



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0519/LĐBD-HCNS
V/v: công bố thông tin Dự thảo tài liệu
trình ĐHCĐ thường niên 2021

Vũng Tàu, ngày 6 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Mã chứng khoán: POS

Trụ sở chính: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Điện thoại: 254 – 3515758

Fax : 254 – 3515759

Người thực hiện công bố thông tin: ông Vũ Chi Viện

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 6/4/2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-LĐBD-HĐQT về việc Thông qua nội dung dự thảo tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2021 của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC xin gửi kèm Nghị quyết nói trên đến Quý cơ quan.

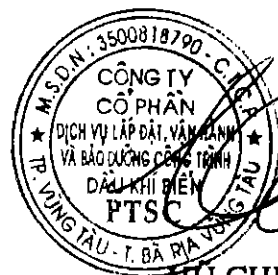
Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/cáo);
- Website www.pos.ptsc.com.vn
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, PT (02).



**VŨ CHI VIỆN
THÀNH VIÊN HĐQT**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/NQ-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 1 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua nội dung Dự thảo Tài liệu trình
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Trên cơ sở kết quả tổng hợp Phiếu lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị số 04/PYK-LĐBD-HĐQT ngày 29/3/2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua nội dung Dự thảo Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC như Phụ lục đính kèm.

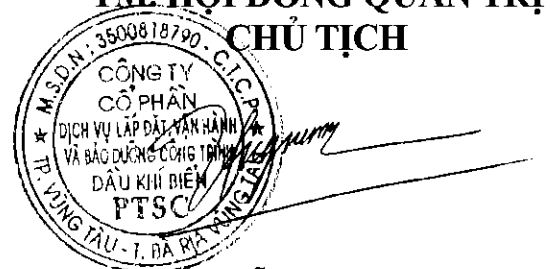
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, PT (02).

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

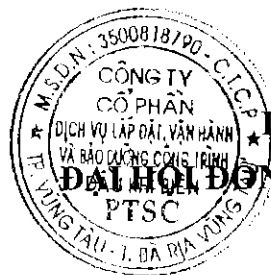


Nguyễn Tiên Phong

Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐĐQT ngày 14/4/2021)



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo Sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành.
6. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát.
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.
8. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021.
9. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
10. Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
11. Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2021.
12. Tờ trình về việc thông qua Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị.
13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
14. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
15. Dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

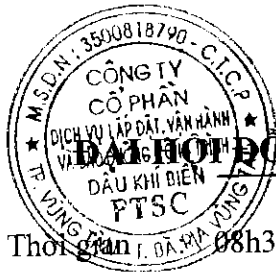


DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo Sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành.
6. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát.
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.
8. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021.
9. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
10. Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
11. Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2021.
12. Tờ trình về việc thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.
13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
14. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

BAN TỔ CHỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Thời gian : 08h30 thứ Ba, ngày 27/4/2021
2. Địa điểm : Khách sạn Dầu khí PTSC, số 09-11 Hoàng Diệu, thành phố Vũng Tàu

Stt	Thời gian	Nội dung
I. Thủ tục khai mạc		
1.	07h30-08h30	Đón tiếp cổ đông, khách mời, phát thẻ, phiếu biểu quyết, ổn định tổ chức
2.	08h30-08h35	Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời
3.	08h35-08h40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4.	08h40-08h50	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký đoàn
II. Nội dung đại hội		
5.	08h50-08h55	Phát biểu khai mạc Đại hội
6.	08h55-09h05	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết, bầu nhân sự tại Đại hội
7.	09h05-09h10	Giới thiệu và thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu
8.	09h10-09h20	Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT
9.	09h20-09h30	Báo cáo SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành
10.	09h30-09h40	Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của BKS
11.	09h40-09h45	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán
12.	09h45-09h50	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021
13.	09h50-09h55	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
14.	09h55-10h00	Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
15.	10h00-10h05	Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021
16.	10h05-10h10	Tờ trình về việc thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty
17.	10h10-10h15	Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
18.	10h15-10h20	Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
19.	10h20-10h40	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo
20.	10h40-10h55	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
21.	10h55-11h10	Đại diện lãnh đạo Tổng công ty phát biểu
22.	11h10-11h15	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
23.	11h15-11h20	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
III. Bế mạc Đại hội		
24.	11h20-11h25	Phát biểu tổng kết Đại hội, bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các quy định pháp luật liên quan, theo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (Công ty POS).

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty POS phải ăn mặc lịch sự, chỉnh tề, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

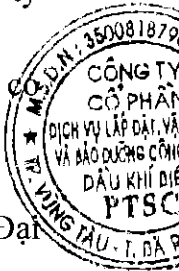
II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tịch đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ

Mỗi cổ đông được cấp một *Thẻ biểu quyết* (màu vàng) và một *Phiếu biểu quyết* (màu xanh) ngay khi làm thủ đăng ký cổ đông dự họp, trong đó:

1. **Thẻ biểu quyết:** là tờ màu vàng có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, được dùng để giơ lên khi cổ đông được yêu cầu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.



2. **Phiếu biểu quyết:** là tờ màu xanh có in các nội dung để cổ đông biểu quyết gồm hai phần: (i) biểu quyết các nội dung của Đại hội, (ii) bầu nhân sự HĐQT và BKS, cụ thể:
- **Biểu quyết các nội dung của Đại hội:** cổ đông biểu quyết các nội dung của Đại hội bằng cách đánh dấu vào một trong ba ô vuông: “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với tất cả các nội dung trong Phiếu biểu quyết. Các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
 - **Bầu nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ:** việc bầu nhân sự tại ĐHCĐ (lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng cách đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn do Ban Tổ chức chuẩn bị sẵn hoặc tự điền số phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội. Kết quả bầu được xác định theo Quy chế bầu cử được ĐHCĐ thông qua.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành, nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội cổ đông thường niên.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

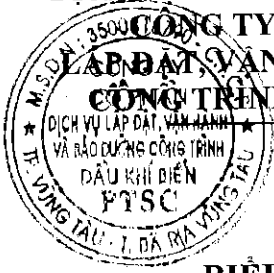
1. Xác định kết quả bầu, biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Quy chế liên quan đến vấn đề bầu cử/biểu quyết hoặc các khiếu nại về bầu cử/biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

BAN TỔ CHỨC



Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

THẺ LỆ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG VÀ BẦU NHÂN SỰ
TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên 2021, việc biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại cuộc họp thường niên 2021 được thực hiện như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết:

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến làm thủ tục đăng ký tham dự họp được Ban tổ chức Đại hội cung cấp **Thẻ biểu quyết** (giấy màu vàng), và **Phiếu biểu quyết** (giấy màu xanh) để biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội. Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin họ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu; Nội dung xin biểu quyết, tổng số quyền biểu quyết (mỗi cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với một quyền biểu quyết), các ô tương ứng với từng nội dung để cổ đông lựa chọn quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác.

1.1 *Phiếu biểu quyết hợp lệ* là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC và có đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông đối với từng nội dung xin biểu quyết và có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông trên Phiếu biểu quyết.

1.2 *Phiếu biểu quyết không hợp lệ* là Phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện tại mục 1.1 nêu trên.

2. **Cách biểu quyết:** Chủ tịch đoàn sẽ điều hành việc biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết** (màu vàng) và đánh dấu lựa chọn vào một trong ba ô vuông “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với các nội dung trình xin biểu quyết trong **Phiếu biểu quyết** (màu xanh).

3. **Kết quả biểu quyết:** các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, cụ thể:

Đạt **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với các nội dung được trình trong Đại hội.

II. BẦU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo danh sách ứng viên được lập phù hợp trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành. Danh sách và thông tin ứng viên chi tiết như Tờ trình về nhân sự, các tài liệu gửi đến các cổ đông và công bố trên phương tiện thông tin theo quy định.

1. **Phiếu bầu:** mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với: tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội.

(ví dụ: Cổ đông A có 1000 cổ phần, Đại hội thực hiện bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu bầu của cổ đông A sẽ là: Phiếu bầu nhân sự HĐQT bằng $1000 \text{ cp} \times 3 = 3000$ phiếu).

Phiếu bầu được Ban tổ chức chuẩn bị và gửi cùng Phiếu biểu quyết quy định tại Quy chế này.

2. **Cách thức bầu:** việc bầu nhân sự thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng một trong hai cách: (i) đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn, số phiếu bầu của cổ đông sẽ chia đều cho một hoặc một số ứng viên được cổ đông lựa chọn. hoặc, (ii) cổ đông tự điền số phiếu của mình cho ứng viên mình lựa chọn (vào dòng kẻ để trống bên cạnh).

3. **Xác định kết quả bầu cử:**

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội lần này.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo cách thức bầu tại Quy chế này.

III. KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Phiếu biểu quyết và Bầu nhân sự được thu lại sau khi việc biểu quyết kết thúc theo chương trình Đại hội. Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi các thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội thông qua.

Kết quả bầu cử được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và công bố tại Đại hội. Các tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Trân trọng.

BAN KIỂM PHIẾU

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Năm 2020 dưới tác động kép của đại dịch Covid 19 và sự sụt giảm của giá dầu đã ảnh hưởng không nhỏ tới lĩnh vực dầu khí nói chung và cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS) nói riêng.

Mặc dù khối lượng công việc, dự án được triển khai trong năm 2020 tăng nhiều hơn so với các năm trước, tuy nhiên Công ty đã gặp khó khăn trong quá trình thực hiện bởi ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid 19. Tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh trong khoảng thời gian đầu năm 2020 đã làm cho tiến độ các dự án mà Công ty triển khai bị chậm trễ do sự phong tỏa ở cả trong nước và nước ngoài.

Bên cạnh đó các yếu tố, điều kiện cơ bản của môi trường kinh doanh không thuận lợi đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các phương diện: công tác phát triển dịch vụ tại nước ngoài gặp khó khăn do các chính sách ở nước sở tại; các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển và trên bờ còn thiếu gây ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty; chính sách thuế nhà thầu còn nhiều bất lợi làm giảm ưu thế cạnh tranh so với nhà thầu phụ nước ngoài.

Nhận thấy được các khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể, tập trung và đạt được các kết quả như nêu sau đây.

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, kế hoạch công tác đề ra và tình hình thực tế để chỉ đạo nghiêm túc các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành, giám sát hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Giám đốc và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Giám đốc, các phòng chức năng.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 10 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 11 văn bản trong đó có 07 Nghị quyết và 04 Quyết định. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như Phụ lục 1 đính kèm.

1.2. Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHCĐ phê duyệt, năm 2020 HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra, cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên

HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức

thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo đúng quy định.

b. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty

- Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, ngày 10/9/2020, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-LĐBD-HĐQT và thực hiện việc Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền theo tỷ lệ thực hiện 7%/cổ phiếu. Quá trình chi trả cổ tức cho các Cổ đông đã được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

- Năm 2020 tổng doanh thu đạt được là 3.436,07 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 132,21 tỷ đồng, tương ứng 98,65% và 146,44% so với kế hoạch năm, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH 2020/ KH 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400	400,00	400	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.471,52	3.482,99*	3.436,07	98,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	46,58	90,28	132,21	146,44%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	34,08	72,27	101,55	140,51%
5	Tỷ suất LNST /Vốn điều lệ	%	8,52%	18,07%	25,39%	140,51%
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	4,56%	9,25%	12,40%	134,01%
7	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	4,23	75,85	26,65	35,14%

(*) Tổng Doanh thu thực hiện năm 2020 chỉ đạt 98,65% so với kế hoạch là do nguyên nhân sau đây:

Diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai các dự án trong năm 2020, cụ thể bao gồm dự án tháo tách giàn Đại Hùng, dự án Gallaf tại Qatar, dự án Nam Côn Sơn 2 pipeline, dự án SVĐN FSO. Các quy định về giãn cách xã hội ở cả trong và ngoài nước đã gây khó khăn cho kế hoạch huy động chuyên gia, trang thiết bị từ nước ngoài vào Việt Nam để phục vụ các dự án, cũng như việc đưa nhân sự ra nước ngoài làm việc. Điều này làm cho các dự án bị chậm, giãn tiến độ và tác động đến kế hoạch Doanh thu của các dự án nói riêng và của Công ty nói chung.

c. Công tác tổ chức nhân sự

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo triển khai hoàn thành tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty, đảm bảo duy trì sự ổn định của bộ máy, tăng cường hiệu quả trong công tác chỉ đạo các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- HĐQT đã bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc, cho thôi giữ chức Trưởng phòng đối với 01 cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT.

d. Công tác đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của Công ty, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 của Công ty là 26,65 tỷ đồng, đạt 35,14% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư tăng hơn 6 lần so với năm 2019, tuy nhiên chưa đạt kế hoạch là do một số dự án đầu tư mới năm 2020 được chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện tiếp. Ngoài ra một số gói dừng đầu tư như gói Hot oil Flushing, Nâng cấp hệ thống CNTT (do chi phí đầu tư lớn, nhu cầu sử dụng ít trong thời gian tới ...).

e. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, sửa đổi các văn bản liên quan đến hệ thống quản lý để đảm bảo công tác quản trị tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

1.3. Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

a. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

b. Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

1.4. Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, những người có liên quan và công ty có liên quan của thành viên HĐQT:

Năm 2020 Công ty không có giao dịch với các thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT, cũng như không có giao dịch với công ty mà trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc người quản lý.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020

2.1. Về hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Năm 2020, mặc dù gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 cũng như biến động của giá dầu, HĐQT đã cùng với Ban điều hành nỗ lực trong việc lãnh đạo đưa Công ty vượt qua được khó khăn, thách thức nhằm duy trì sự ổn định của Công ty và đảm bảo thu nhập cho Người lao động.

Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hiệu quả công tác quản trị, tuân thủ pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin được công khai minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2020, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2020 là đúng thẩm quyền, giám sát, quản lý, hỗ trợ Ban điều hành, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

HĐQT thường xuyên cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, các Thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong công tác của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;

- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT;
- Phụ trách kiểm tra, giám sát lĩnh vực kế hoạch SXKD, đầu tư phương tiện trang thiết bị, xây dựng cơ bản;
- Phụ trách lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Ký duyệt các báo cáo, công văn, tờ trình... gửi Tổng công ty PTSC;
- Phụ trách các công việc không phân công cho các thành viên HĐQT khác.

b. Ông Dương Hùng Văn – thành viên HĐQT, Giám đốc:

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Phụ trách các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Công tác bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các cán bộ quản lý theo các Quy định của Công ty;
- Phụ trách công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh, làm việc với các nhà đầu tư, khách hàng hoặc đối tác có nhu cầu tìm hiểu về Công ty.
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ;
- Phụ trách lĩnh vực thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán, thu xếp vốn cho các dự án của Công ty, quan hệ với các định chế tài chính, công tác kiểm toán của Công ty;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD, tài chính, kế toán.

c. Ông Vũ Chi Viện – thành viên HĐQT, Phó Giám đốc:

- Công tác đoàn thể, những vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các công tác liên quan đến phát triển nguồn nhân lực;
- Các vấn đề liên quan đến người lao động;
- Công tác thi đua;
- Công tác xây dựng/sửa đổi và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ;
- Công tác giao dịch, cung cấp, thu thập thông tin của các cổ đông;
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp;
- Công bố thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách.

d. Ông Nguyễn Tuấn – thành viên HĐQT:

- Phụ trách các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;

- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

- Công tác xây dựng và ban hành các quy chế/quy định quản lý nội bộ.

e. Ông Nguyễn Thế Hoàng – thành viên HĐQT:

- Với vai trò là một người đại diện vốn của ngân hàng Oceanbank tại Công ty, ông Nguyễn Thế Hoàng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến kịp thời và đưa ra những kiến nghị nằm trong quyền hạn được giao.

2.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2020

a. Thù lao của HĐQT năm 2020

Đối với Chủ tịch HĐQT mức thù lao là 5 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các thành viên HĐQT mức thù lao là 3 triệu đồng/người/tháng.

Đối với thành viên HĐQT chuyên trách thì áp dụng chế độ trả lương theo quy định tại quy chế lương của Công ty (hiện nay HĐQT Công ty không có thành viên chuyên trách).

Chi tiết thù lao năm 2020 của HĐQT như Phụ lục 2 đính kèm.

b. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2020

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế tài chính, Định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

II. Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc đối diện và khắc phục tốt với khó khăn, biến động của ngành Dầu khí để điều hành Công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, đạt được kết quả khả quan, thể hiện ở các mặt sau:

- Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tiễn diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các công việc, dự án thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty;

- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý;

- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty.

- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp hệ thống quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi;

- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đắp sự thiếu hụt công việc do giá dầu thấp nhưng vẫn đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án trong nước đã được giao thầu với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro;

- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

B. NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2021

I. Hội đồng quản trị Công ty POS đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 như sau:

- Cùng với Ban điều hành tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2021 và các nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác tài chính, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài ngành dầu khí; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu;

- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính trong năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70
7	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	6,68%
8	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	92,90

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS; Ban GD,
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

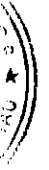
Nguyễn Tiên Phong

Phụ lục 1:
Danh mục các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Ngày ban hành	Số hiệu văn bản	Nội dung
1.	28/02/2020	144/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Chuyển xếp lương cho Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
2.	02/03/2020	02/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
3.	26/03/2020	03/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2019
4.	07/04/2020	04/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
5.	14/04/2020	05/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Công tác cán bộ
6.	14/04/2020	234/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Bổ nhiệm cán bộ (Bổ nhiệm Phó Giám đốc Nguyễn Văn Dương)
7.	29/04/2020	264/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc xếp lương đối với ông Nguyễn Văn Dương
8.	21/05/2020	06/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
9.	21/08/2020	471/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định về việc Phê duyệt và ban hành định mức chống ăn mòn kết cấu thép và piping trên bờ
10.	10/09/2020	10/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2019
11.	24/11/2020	10/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết về việc Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2020

Phụ lục 2:
Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc		Thù lao và lợi ích khác trước thuế (VNĐ)
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	01/01/2020	31/12/2020	152.000.000
2.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/ Giám đốc	01/01/2020	31/12/2020	1.597.881.600
3.	Vũ Chi Viện	TV HĐQT/ Phó Giám đốc	01/01/2020	31/12/2020	1.315.087.600
4.	Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	01/01/2020	31/12/2020	76.000.000
5.	Nguyễn Thế Hoàng (Thù lao được chi trả cho ngân hàng Oceanbank)	Nguyên Thành viên HĐQT	01/01/2020	31/12/2020	76.000.000
Tổng cộng					3.216.969.200



Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2020:

Năm 2020 Công ty POS đạt tổng doanh thu là 3.436,07 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 132,21 tỷ VNĐ. Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Deloitte như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH 2020/ KH 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99	3.436,07	98,65%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28	132,21	146,44%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27	101,55	140,51%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	9,25%	12,40%	134,01%
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	72,27	101,55	140,51%

So sánh với kết quả các năm trước:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2019	KH năm 2020 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	1.477,83	3.482,99	3.436,07	233%	99%
2	Lợi nhuận sau thuế	34,08	72,27	101,55	298%	141%
3	Nộp NSNN	108,39	163,89	154,40	142%	94%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu (%)	2,31%	2,07%	2,96%	128%	143%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	8,52%	18,07%	25,39%	298%	141%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	26,82	29,80	36,50	136%	122%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 07/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 12/06/2020.

➤ Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2020. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Tuân thủ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2020 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	72,27	110,37
2	Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	56,00	60,00
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	15,40	21,37
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,87	1,00
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		28,00

* Lợi nhuận được phân phối (110,37 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2020: 101,55 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây: 8,82 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện các dịch vụ chủ yếu của Công ty:

3.1. Dịch vụ xây lắp công trình biển: Là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2020 mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng Công ty POS đã bằng mọi nỗ lực chủ động tiếp xúc với các khách hàng, đối tác để tìm kiếm và tham gia cung cấp dịch vụ dự án xây lắp công trình biển. Công ty POS đã hoàn thành và tiếp tục triển khai các dự án SVDN T&I, SVDN HUC, SVDN FSO, Tháo tách giàn ĐH, NCS2, Gallaf. Kết quả doanh thu từ dịch vụ xây lắp công trình biển năm 2020 là 2.546,44 tỷ đồng chiếm 74% tổng doanh thu của Công ty (3.436,07 VNĐ).

3.2. Dịch vụ Xây dựng công trình dầu khí trên bờ: Công ty POS tiếp tục triển khai dự án Long Sơn. Doanh thu của dịch vụ này trong năm 2020 đạt 304,83 tỷ đồng chiếm 9% tổng doanh thu của công ty (3.436,07 tỷ VNĐ).

3.3. Dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí (O&M): Dịch vụ này là mảng dịch vụ có nguồn doanh thu đều đặn và ổn định lâu dài. Doanh thu từ dịch vụ O&M năm 2020 là 550,87 tỷ VNĐ, chiếm 16% tổng doanh thu của Công ty (3.436,07 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2020 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BDPOC, CLJOC, PVEP POC, TLJOC	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

Handwritten mark

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (79 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (54 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rồng Đồi); TNK (01 nhân sự cho giàn Lan Tây); PVEP POC (03 nhân sự làm việc trên giàn SDA); PVTRANS (01 E & I Supervisor và 04 E&I Technician làm việc trên FPSO LEWEK EMAS AT CHIM SAO Lô 12W)	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2020 POS đã cung cấp hơn 3.000 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng BDPOC, CLJOC, TLJOC, PETRONAS, ROFNEFT, KNOC, PTSC Thanh Hóa, ... và cho dự án GALLAF, LSP-A1, ... của Công ty POS	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

3.4. Dịch vụ cho thuê sà lan nhà ở và sà lan vận chuyển:

a. **Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1:** Trong năm 2020, số ngày làm việc của POS1 đạt 134 ngày. POS1 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	SVDN T&I và HUC	06/6/2020	30/6/2020	24	
2	SVDN HUC	01/7/2020	31/7/2020	30	
3	SVDN FSO	01/8/2020	31/8/2020	30	
4	Cho Khách hàng Thiên Nam thuê	17/9/2020	06/11/2020	50	
Tổng số ngày khai thác				134	

b. **Sà lan vận chuyển PTSC 01:** Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2020 đạt 212 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Cho Khách hàng Sapura thuê	02/6/2020	31/12/2020	212	
Tổng số ngày khai thác				212	

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng:

4.1. Công tác đầu tư thiết bị:

- a. Các gói đầu tư năm 2020: Đã hoàn thành công tác đầu tư 14 gói: Máy nén khí chạy dầu 12 bar/ Máy Tách mặt bích thủy lực và Máy khoan từ chạy khí/ Máy phát điện 200/350/500 kVA/ Máy cắt và vát mép ống/ Thiết bị siết Bulong thủy lực 10.000 PSI/ Máy hàn TIG (02 Gói)/ Máy toàn đạc/ Máy nén khí chạy dầu 9 bar & máy xịt rửa áp lực cao/ Máy nén khí 9 bar chạy điện/ Dây chuyền thiết bị phun bi tự động/ Thiết bị đo Cảm biến lực (Loadcell 30T)/ Máy rửa áp lực cao chạy khí và Bơm nước hỏa tiễn/ Phần mềm Quản lý, Thiết kế Bản vẽ Thi công

Đường ống). Tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp từ 2020 và các dự án đầu tư mới năm 2021 như Máy bắn cát phun sơn/ Thiết bị đo lường, kiểm tra, chạy thử/ Phần mềm Quản lý nhân sự, tiền lương/ Xe cầu thùng 8-12T/ Thiết bị uốn, cắt cáp điện và Máy ép đầu cốt thủy lực chạy pin/ Máy cắt tôn/ ống dạng từ và CNC/ Máy phát điện 80kVA / Thiết bị đục lỗ thủy lực và siết bulong chạy khí/ Thiết bị thử tải, Đo lường/ Tời khí nén 10T/ Hoán cải sà lan PTSC 01. Giá trị giải ngân công tác đầu tư trong năm 2020 là 26,65 tỷ đồng.

4.2. Công tác Xây dựng: Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Xưởng CKBD và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2020. Chi phí sửa chữa xây dựng là 2,93 tỷ đồng.

5. Tình hình thực hiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và tiền lương

5.1. Công tác tổ chức nhân sự:

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng CBCNV của Công ty là 576 người, trong đó trình độ trên đại học là 31 người, đại học và tương đương là 430 người, công nhân kỹ thuật là 102 người, lao động phổ thông là 6 người.

Trong năm 2020, được sự phê chuẩn Hội đồng quản trị, nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD của đơn vị, Công ty đã kiện toàn cơ cấu các phòng ban cụ thể như sau:

- Công ty đã bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc, bổ nhiệm lại 05 phó phòng và 01 Xưởng phó, Hoàn thiện thủ tục thôi giữ chức vụ 01 trưởng phòng và điều động giữ vị trí công tác mới, giao nhiệm vụ Phó phụ trách phòng đối với 02 cán bộ. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thiện và gửi hồ sơ lên Tổng công ty để xem xét, bổ nhiệm lại 03 trưởng phòng. Bổ nhiệm 01 tổ trưởng; 03 Tổ phó.

5.2. Công tác tuyển dụng: Trong năm 2020 Công ty POS tuyển dụng mới 27 nhân sự, tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với 35 nhân sự theo nguyện vọng của người lao động; 02 người lao động nghỉ hưu. Tính từ đầu năm 2021 đến thời điểm hiện tại đã có 05 người nghỉ việc & đã tuyển dụng 01 người.

5.3. Công tác đào tạo: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, ước tính đến ngày 31/12/2020, hoạt động đào tạo của Công ty POS đã được thực hiện như sau: Số lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 2000/581 đạt 256.1% kế hoạch; Số tiền đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 11.7/ 3.2 tỷ đồng đạt 367% kế hoạch. Số khóa đào tạo đã tổ chức: 46/44 khóa, đạt 105% Kế hoạch; Số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 97 lượt người.

5.4. Công tác Lao động tiền lương, chế độ chính sách: Các số liệu thống kê thu nhập năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	So với năm 2019
1	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương chính sách nhà thầu (đồng/tháng)	99.413.000	94.318.000	- 5 %
2	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty khối	19.472.000	22.100.000	13%

W

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	So với năm 2019
	lao động nghiệp vụ văn phòng (đồng/tháng)			
3	Thu nhập BQ NLD hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty khối lao động tham gia dự án (đồng/tháng)	27.782.000	36.980.000	33%
4	Thu nhập thấp nhất (đồng/tháng)	6.000.000	7.700.000	28%

Thực hiện việc mua sắm trang thiết bị văn phòng và mua sắm khác theo đúng các quy trình mua sắm và quy định hiện hành của Công ty và Tổng Công ty.

6. Tình hình thực hiện công tác quản lý hệ thống, an toàn chất lượng vệ sinh môi trường:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí có xác suất rủi ro cao và với những yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường (CL-ATSKMT), Công ty luôn ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý an toàn cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty liên tục thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong các đợt đánh giá nội bộ, bên ngoài, thường xuyên rà soát và hoàn thiện các tài liệu quản lý CL-ATSKMT phù hợp với hoạt động SXKD thực tế; Tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Hệ thống quản lý chất lượng), ISO 14001:2015 (Hệ thống quản lý môi trường), ISO 45001:2018 (Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp), ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung đối với năng lực của các phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn), Bộ luật ISM (Bộ luật quản lý an toàn quốc tế), Bộ luật ISPS (bộ luật quốc tế về an ninh tàu và bến cảng), MLC 2006 (Công ước lao động hàng hải), Tiêu chuẩn ASME (Tiêu chuẩn về quản lý, thiết kế, chế tạo, kiểm tra lò hơi, bình, bồn chịu áp lực).

Trong năm 2020, Công ty thực hiện công tác SXKD (Điển hình là các dự án trong và ngoài nước như SVDN T&I, SVDN HUC, SVDN Pipeline, SVDN FSO, E1, NCS2 gas Pipeline, Al Shaheen giai đoạn 02, Long Sơn... và các dự án O&M cho các khách hàng BDPOC, PCVL, CLJOC, KNOC....) đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI=0), không có tai nạn cháy nổ cũng như tai nạn hay thiệt hại về con người. Các chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với quy định của Công ty, khách hàng và pháp luật.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty POS đạt được hơn 26 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

Công ty POS tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và hỗ trợ mạnh mẽ của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các Đơn vị bạn.

Tập thể lãnh đạo của Công ty POS đoàn kết, đội ngũ CBCNV trẻ, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

Kinh nghiệm thực tiễn được đúc rút trong quá trình thực hiện các dự án từ các năm trước đây cũng là một lợi thế để Công ty triển khai thành công các dự án trong năm 2021.

2. Khó khăn:

Tình hình dịch bệnh Covid-19 năm 2021 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp trên Thế giới và tại Việt Nam.

Dự báo giá dầu năm 2021 tiếp tục biến động khó lường, dẫn đến nhà thầu chưa tái khởi động các dự án phát triển mỏ năm 2021 tại Việt Nam.

Công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với Công ty POS như: Các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần, các vấn đề về chế độ chính sách khi đưa người lao động làm việc tại nước ngoài...

Các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty POS.

Nguồn nhân lực về quản lý, kỹ thuật liên quan đến công tác SXKD đôi khi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của công việc.

Chính sách thuế nhà thầu (Thuế GTGT + thuế TNDN nhà thầu) còn nhiều bất cập, dẫn đến Công ty POS không có lợi thế cạnh tranh đối với nhà thầu phụ nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ NĂM 2021

Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể năm 2021 như sau:

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu		
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	84,95
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33,38
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,70
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	56,08
II	Các dự án chuẩn bị đầu tư		
	Nội tệ	Tỷ đồng	92,90
	Ngoại tệ	Tr USD	0,00

III. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2020, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Công ty xác định mục tiêu hoạt động năm 2021 như sau:

1. Phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
 - Doanh thu **1.454,67 tỷ VNĐ**
 - Lợi nhuận trước thuế: **33,38 tỷ VNĐ**
 - Nộp Ngân sách nhà nước: **56,08 tỷ VNĐ**
2. Tập trung tối đa nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021; đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của POS trong những năm tiếp theo. Tuân thủ đúng các Quy định hiện hành trong mọi hoạt động của Công ty.
3. Tiếp tục triển khai an toàn chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối công trình biển, công trình công nghiệp trên bờ năm 2020 đang triển khai và chuyển tiếp sang năm 2021, đồng thời thực hiện tốt các công tác chuẩn bị để tham gia và thắng thầu các dự án tiềm năng trong năm 2021 và những năm tiếp theo. Tổ chức thực hiện tốt dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí như BDPOC, NCS, CLJOC, JVPC, KNOC, TNK, CLJOC, PVEP POC... Giữ vững thị phần dịch vụ cung ứng lao động khai thác dầu khí cho các khách hàng truyền thống như JVPC, KNOC, CLJOC...
4. Quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả Sà lan nhà ở 300 chỗ (POS 1) và Sà lan vận chuyển 5000 tấn (PTSC 01). Đẩy mạnh công tác Marketing tìm kiếm và mở rộng thị trường dịch vụ.
5. Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD tại Đơn vị. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư nhằm đảm bảo nhanh chóng hoàn thành đầu tư và sớm đưa vào khai thác sử dụng, nâng cao hiệu quả SXKD.
6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng mới Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tại Đơn vị, cải tiến quá trình làm việc, thực hiện triệt để các Chỉ thị, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động trong năm 2020 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý trong các hoạt động SXKD dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Đơn vị khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.
7. Hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ; bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Đơn vị, phát huy tính độc lập, tự chủ, năng động và kỷ luật trong giai đoạn phát triển mới. Tiếp tục duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, ISM code, ISPS code, MLC 2006, ASME. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.
8. Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD dịch vụ.
9. Thực hiện khen thưởng kịp thời, tăng cường kỷ luật; đảm bảo các chế độ, chính sách để người lao động an tâm công tác. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị

xã hội trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa doanh nghiệp PTSC, đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết góp phần hoàn thành mục tiêu chung.

10. Sẵn sàng tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi được Tổng công ty giao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU SXKD NĂM 2021

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của năm 2021 nói trên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị, Công ty đề ra các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Giải pháp về tổ chức, quản lý doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và cải tiến hệ thống Quản lý sát thực với hoạt động của Công ty, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, ISM code, ISPS code, MLC 2006, ASME.

Thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật hiện có nhằm cắt giảm chi phí tới mức hiệu quả nhất. Cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết. Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu tư để đảm bảo tránh thất thoát lãng phí.

Tiếp tục nâng cao được năng lực tự thực hiện dịch vụ, ví dụ dịch vụ thiết kế trong lĩnh vực thi công hàng hải, sử dụng và vận dụng hiệu quả các nguồn lực và phần mềm thiết kế đã được đầu tư.

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức sắp xếp lại nguồn lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tận dụng hợp lý tối đa nguồn lực có sẵn để thực hiện các dự án, hạn chế nhân sự thuê ngoài. Áp dụng linh hoạt và hiệu quả quy chế lương thưởng, hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm khuyến khích động viên kịp thời người lao động.

Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác cung cấp nhân lực sẵn có để sẵn sàng thuê, sử dụng khi nhân sự của POS thiếu do phải thực hiện nhiều dự án cùng thời điểm.

Tiếp tục đào tạo cho người lao động các kỹ năng ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng quản lý cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát lại các nhu cầu đào tạo, tăng cường công tác đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, chuyên môn tại nơi làm việc.

3. Giải pháp về marketing, tìm kiếm thị trường và triển khai dịch vụ

Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài, xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing đồng bộ, tổng thể và dài hạn cả về chính sách giá, chất lượng dịch vụ, quan hệ khách hàng, thị trường trong và ngoài nước ... để phù hợp với chiến lược phát triển của POS và tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với nền kinh tế thời mở cửa hiện nay.

Tiếp tục tích cực tìm kiếm công việc ở các lĩnh vực dịch vụ chính là Xây lắp công trình biển, Xây dựng các công trình phụ trợ cho các công trình dầu khí, xây dựng công trình dầu khí và công trình công nghiệp trên bờ như các nhà máy lọc dầu, điện, đạm ...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ, phát triển thị trường trong khu vực, tối ưu hóa thời gian hoạt động của Sà lan nhà ở ra thị trường khu vực Đông Nam Á đặc biệt là Myanmar, Indonesia, Brunei và các nước có Monsoon trái với Việt Nam như Ấn độ, Úc...

Chú trọng hơn nữa vào việc nghiên cứu các quy định của Tổ chức kinh tế Thế giới WTO, TPP, các quy định của nhà nước liên quan đến lĩnh vực Dầu khí để tư vấn cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty và đề xuất cách vận dụng các quy định phù hợp với tình hình thực tế của POS. Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài. Xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing đồng bộ, tổng thể và dài hạn cả về chính sách giá, chất lượng dịch vụ, quan hệ khách hàng, thị trường trong và ngoài nước... để phù hợp với chiến lược phát triển của POS và tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với nền kinh tế thời mở của hiện nay.

4. Giải pháp về đầu tư:

Rà soát các hạng mục đầu tư, triển khai các dự án đầu tư thực sự hiệu quả vào thời điểm thích hợp để đáp ứng kịp thời hoạt động cung cấp dịch vụ của POS.

5. Giải pháp về thi đua khen thưởng:

Duy trì phong trào POS star, Phong trào Kaizen, Phong trào HSE. Tổng kết và tổ chức trao giải kịp thời để phát huy tính tích cực các cá nhân, điển hình tiêu biểu.

Duy trì các hoạt động team building trong từng bộ phận, giữa các Đơn vị trong và ngoài Công ty. Ban lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban xưởng phải là tấm gương về sự năng động, công tâm, làm việc hết mình vì tập thể.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

Dương Hùng Văn

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY POS
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Ban kiểm soát Công ty kính báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra, giám sát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021 của Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

PHẦN I - KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty POS gồm 02 thành viên không chuyên trách:

1. Ông Trương Trọng Huy – Trưởng ban Kiểm soát
2. Bà Trần Thị Minh Hương – Thành viên Ban kiểm soát.

2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên năm 2020

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính quý/năm, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2020. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, đã tổ chức các cuộc họp trong năm vào hàng Quý.

Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Tổng công ty PTSC và các cổ đông khác.

Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch công việc cá nhân đã được Ban kiểm soát đề ra.

Từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công công tác với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng. Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát cụ thể như Phụ lục đính kèm.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp trực tiếp và 03 lần lấy ý kiến qua Email, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Lần 1: Họp trực tiếp để thông qua báo cáo Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2019;
- Lần 2: Lấy ý kiến qua Email để thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát quý 01/2020 của Ban kiểm soát, phân công công việc và kế hoạch hoạt động quý 02/2020.
- Lần 3: Họp trực tiếp để thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 02/2020 của Ban kiểm soát, miễn nhiệm và bầu mới Trưởng Ban Kiểm soát, phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 03/2020.
- Lần 4: Lấy ý kiến qua Email để thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 03/2020 của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 04/2020.
- Lần 5: Lấy ý kiến qua Email để thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 04/2020 và cả năm 2020 của Ban kiểm soát, thông qua bản Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 và phân công công việc quý 01/2021 của Ban Kiểm soát.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Thù lao của BKS năm 2020: Đối với các thành viên BKS không chuyên trách, mức thù lao là 2.000.000 VNĐ/người/tháng, đối với Trưởng BKS không chuyên trách là 3.000.000 VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm 2020	Thu nhập từ thưởng BDH	Ghi chú
1	Trương Trọng Huy	Trưởng BKS	9.000.000	15.000.000	Bỏ nhiệm từ ngày 1/7/2020
2	Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	24.000.000		

Chi phí hoạt động của BKS năm 2020: Áp dụng theo định mức của công ty và quy định hiện hành.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Giám đốc công ty. Năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Công ty mẹ giao, cụ thể như sau:

1.1. Một số chỉ tiêu chính về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00 (trong đó 84,95% của TCT PTSC)	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99	3.436,07	98,65%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28	132,21	146,44%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27	101,55	140,51%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	163,89	154,40	94,21%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	18,07	25,39	140,51%

- Doanh thu năm 2020 đạt 3.436,19 tỷ đồng, đạt 98,65% so với kế hoạch năm 2020. So với năm 2019, doanh thu tăng 1.958,36 tỷ đồng, tương ứng tăng 132,52%.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 132,21 tỷ đồng, vượt 46,44% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2020. So với năm 2019, lợi nhuận trước thuế tăng 74,59 tỷ đồng, tương ứng tăng 129,45%.

1.2. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2019
I	Quy mô tài sản			
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.326,01	1.117,39
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	2.178,32	1.075,29
1.2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	147,69	42,10
II	Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	93,65%	96,23%
2	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	6,35%	3,77%
III	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,78%	32,35%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	35,22%	67,65%
IV	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,47	3,02

2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,31	2,87
IV	Tỷ suất lợi nhuận		Năm 2020	Năm 2019
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	25,39%	10,73%
2	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng Doanh thu	%	3.85%	3.90%
3	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu	%	2.96%	2.90%
4	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12.40%	5.68%
5	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4.37%	3.84%

- Về quy mô tài sản: Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản của công ty là 2.326,01 tỷ đồng, tăng 1.208,62 tỷ đồng, tăng 108,2% so với đầu năm, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 1.1103,02 tỷ đồng, tương đương tăng 102,58% so với đầu năm, tài sản dài hạn tăng 105,59 tỷ đồng, tương đương tăng 250,82 % so với đầu năm.
- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, biến động tăng so với đầu năm, chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho tăng. Tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản tăng lên so với cùng kỳ năm ngoái do công ty mua các tài sản cố định (máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý) và chi phí trả trước dài hạn tăng (chi phí thuê xưởng PV Shipyard, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tài sản lớn).
- Về cơ cấu nguồn vốn: Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng lên so với đầu kỳ chủ yếu do tăng các khoản phải trả người bán ngắn hạn và tăng chi phí trích trước ngắn hạn cho các dự án.
- Về chỉ số khả năng thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2020, hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,47 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,31 lần . Các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của PTSC lành mạnh, an toàn.
- Về tỷ suất sinh lợi: Khả năng tạo lợi nhuận gộp năm 2020 là : 1.000 đồng doanh thu tạo ra 67,5 đồng lợi nhuận gộp, so với cùng kỳ năm trước biến động giảm nhẹ (năm 2019 1.000 đồng doanh thu tạo ra 70,7 đồng lợi nhuận gộp). Chỉ số LNST/VCSH tăng mạnh so với cùng kỳ do lợi nhuận trước thuế tăng mạnh so với cùng kỳ.
- Công tác quản lý nợ phải thu:
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 1.412,22 tỷ đồng, tăng 1.064,94 tỷ đồng, tương ứng tăng 306,66 % so với thời điểm 31/12/2019. Nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 1.342,62 tỷ đồng trong đó nợ chưa đến hạn là 1.050,25 tỷ đồng, chiếm 78,22%; nợ quá hạn là 292,37 tỷ đồng, chiếm 21,78%. Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị trích lập tới 31/12/2020 là 7,1 tỷ đồng.
 - + Nợ phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 1.506,89 tỷ đồng, tăng 1.145,41 tỷ đồng, tương ứng tăng 317,73%. Các hệ số thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh hiện tại thể hiện tình hình tài chính của POS lành mạnh, an toàn.

- Tại thời điểm 31/12/2020, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của công ty đạt 166,86 tỷ đồng, tăng 49,86 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của công ty là dương 49,86 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 80,96 tỷ đồng, chủ yếu do tăng hàng tồn kho và tăng chi phí trả trước để phục vụ các dự án. Các khoản phải thu, phải trả tăng tương ứng tuy nhiên các khoản phải thu tập trung vào các khách hàng uy tín.
 - + Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư là dương 158,91 tỷ đồng.
- Công tác quản lý tài chính: Công ty thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Mua đầy đủ bảo hiểm tài sản; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng. Công tác quản lý, kiểm soát công nợ phải thu được kiểm soát, duy trì.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình thị trường, Công ty POS đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	So sánh
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67	3.436,07	42,33%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38	132,21	25,23%
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70	101,55	26,30%
5	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	6,68%	25,39%	26,30%
6	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	26,70	110,37	24,20%
+	Chia cổ tức (%)	Tỷ đồng	16,00	60,00	
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	10,40	21,37	
+	Quỹ thưởng Ban điều hành	Tỷ đồng	0,3	1,00	

* Lợi nhuận được phân phối năm 2020 (110,37 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2020: 101,55 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây chuyển sang: 8,82 tỷ đồng;

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2020 kết thúc tại ngày 31/12/2020, kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Tình hình thực hiện kế hoạch về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch. Các chỉ số tài chính ổn định; Tình hình tài chính năm 2020 của công ty lành mạnh.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRONG NĂM 2020 VỀ CÔNG TÁC RÀ SOÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA CÔNG TY

Về kiểm soát quản lý, trong năm 2020, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro thông qua việc rà soát lại các chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro. Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình tương đối đầy đủ trong đó có chứa đựng các cơ chế kiểm soát và các quy trình này được thực thi tạo điều kiện cho cơ chế kiểm soát được vận hành một cách hữu hiệu. Tất cả các hoạt động (công tác đấu thầu, công tác quản lý dự án), các quy trình hiện tại của công ty đều thực hiện đánh giá rủi ro theo Quy trình quản lý rủi ro.

Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động định kỳ liên quan đến giám sát tính minh bạch trong các hoạt động thanh toán, mua sắm vật tư, giám sát công tác thực hiện dự án, giám sát công nợ....

Về kiểm soát kế toán, Ban kiểm soát thực hiện soát xét các báo cáo, số liệu tài chính nội bộ cũng như tính chính xác của các số liệu báo cáo. Kết quả soát xét báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại thời điểm 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

V. BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA ĐƠN VỊ TRONG KỲ CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp đoàn kiểm tra của Kiểm toán nhà nước. Kết quả kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2019 xét trên khía cạnh trọng yếu là phản ánh trung thực về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và thu nộp Ngân sách Nhà nước. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động, các luật thuế, luật kế toán và các luật các có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực. Ngoài ra, công ty thực hiện quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các văn bản: Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính, các quy định nội bộ của công ty, Tổng công ty. Tuy nhiên vẫn còn một số mặt hạn chế về quản lý tài chính, kế toán, công tác mua sắm tài sản, vật tư thiết bị, dịch vụ ngoài.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại phiên họp thường niên 2020.

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong năm 2020 đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Các Thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. HĐQT đã thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 10 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 11 văn bản trong đó có 07 Nghị quyết và 04 Quyết định.

Trong năm 2020, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; giảm giá thành và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài; nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty cũng đã tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực.

VII. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc nội dung kiểm tra, kiểm soát năm 2020 để phối hợp. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đã thẩm định báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, lập báo cáo Tài chính hàng quý, của Ban kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2020, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận. Năm 2021 tiếp tục sẽ rất khó khăn trong hoạt động thăm dò khai thác dầu khí ngoài khơi và áp lực cạnh tranh rất lớn, do đó Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty tiếp tục nỗ lực khắc phục các khó khăn, đề ra các giải pháp, biện pháp quyết liệt để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư và triển khai thực hiện để tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo.

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty trình Đại hội.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty.

PHẦN II - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ ĐHCĐ năm 2021 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty và của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.
- Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHCĐ, của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát năm 2021.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Phụ lục: Báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

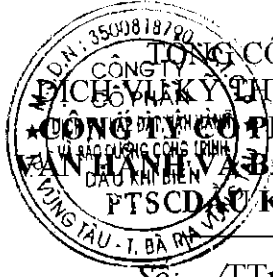
1. Ông Trương Trọng Huy – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 3/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát (do được bầu giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 01/07/2020) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban Kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên Ban Kiểm soát; Phê duyệt các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Công tác bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tình hình chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp.
- Đã phối hợp với các cơ quan chức năng Nhà nước, với kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra, kiểm toán Công ty.
- Đã tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời các kế hoạch hoạt động từng Quý của HĐQT trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

2. Bà Trần Thị Minh Hương – thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Công tác bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tình hình chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp.





CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN
PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định nội dung sau:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020
1	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	400.000
2	Tổng Tài sản	Triệu đồng	2.326.010
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	3.436.071
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	132.213
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	101.547

Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán chi tiết như đính kèm.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT *Nguyễn Tiên Phong*
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

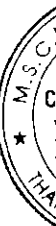
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2021)
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

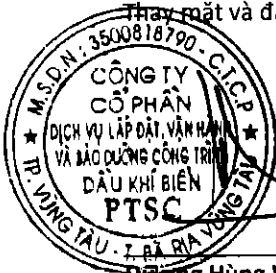
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Số: *0444* /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 03 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Thành Vinh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4329-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.178.315.984.634	1.075.293.087.108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	166.861.947.825	117.005.468.356
1. Tiền	111		166.861.947.825	77.005.468.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	343.670.000.000	522.070.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		343.670.000.000	522.070.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.412.215.586.420	347.275.522.615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.342.616.457.493	277.148.838.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	50.595.075.192	16.122.884.110
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	26.098.908.123	56.379.605.665
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.094.854.388)	(2.375.805.178)
IV. Hàng tồn kho	140	10	254.641.950.170	54.914.730.913
1. Hàng tồn kho	141		293.861.743.976	54.914.730.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.219.793.806)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		926.500.219	34.027.365.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	926.500.219	4.002.854.037
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	30.024.511.187
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.694.382.333	42.100.231.565
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.095.000.000	2.095.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.095.000.000	2.095.000.000
II. Tài sản cố định	220		72.877.692.122	26.890.404.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	69.009.904.889	23.198.994.832
- Nguyên giá	222		881.419.724.109	823.775.472.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(812.409.819.220)	(800.576.477.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.867.787.233	3.691.409.329
- Nguyên giá	228		18.230.685.000	16.311.377.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.362.897.767)	(12.619.968.471)
III. Tài sản dài hạn khác	260		72.721.690.211	13.114.827.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	55.872.883.186	6.057.893.592
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	16.848.807.025	7.056.933.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.326.010.366.967	1.117.393.318.673

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.506.893.632.152	361.487.122.583
I. Nợ ngắn hạn	310		1.485.501.286.962	355.612.615.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.111.289.381.965	175.121.654.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	106.444.576.871	24.406.829.391
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	39.499.814.795	27.708.449.147
4. Phải trả người lao động	314		41.086.866.697	14.092.324.097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	121.233.319.962	51.211.428.288
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.091.875.000	18.400.062.720
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	43.702.484.239	30.716.218.298
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	16.978.235.930	11.417.985.483
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.174.731.503	2.537.663.470
II. Nợ dài hạn	330		21.392.345.190	5.874.507.217
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	21.069.345.190	5.078.507.217
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		323.000.000	796.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		819.116.734.815	755.906.196.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	819.116.734.815	755.906.196.090
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		308.742.964.235	308.742.964.235
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.373.770.580	47.163.231.855
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.826.289.822	4.258.057.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		101.547.480.758	42.905.173.902
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.326.010.366.967	1.117.393.318.673



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Đương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	3.402.136.982.031	1.430.716.777.968
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		3.402.136.982.031	1.430.716.777.968
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	3.160.025.720.704	1.329.507.671.476
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		242.111.261.327	101.209.106.492
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	33.666.043.252	38.065.842.613
6. Chi phí tài chính	22	28	952.169.496	2.039.269.305
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		332.901.046	-
7. Chi phí bán hàng	25	29	26.280.716.546	17.063.182.884
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	115.190.218.178	65.510.421.414
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		133.354.200.359	54.662.075.502
10. Thu nhập khác	31		268.219.693	9.049.224.111
11. Chi phí khác	32		1.408.756.221	6.088.128.833
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.140.536.528)	2.961.095.278
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		132.213.663.831	57.623.170.780
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	40.458.056.286	13.067.497.832
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(9.791.873.213)	1.650.499.046
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		101.547.480.758	42.905.173.902
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.132	814



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



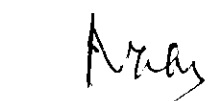

Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

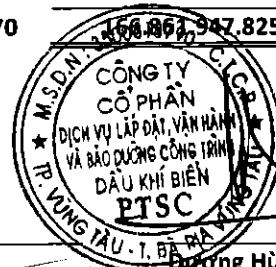
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	132.213.663.831	57.623.170.780
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.209.290.509	9.272.199.909
Các khoản dự phòng	03	65.489.931.436	(1.181.172.507)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(427.805.670)	(1.300.107.963)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.254.390.981)	(33.352.354.097)
Chi phí lãi vay	06	332.901.046	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(2.789.970.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	184.563.590.171	28.271.766.122
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.046.385.626.625)	85.376.682.843
Thay đổi hàng tồn kho	10	(238.947.013.063)	(32.896.365.018)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.106.654.171.931	30.479.399.630
Thay đổi chi phí trả trước	12	(46.738.635.776)	(6.436.831.833)
Tiền lãi vay đã trả	14	(332.901.046)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.139.008.614)	(8.010.513.295)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.172.874.000)	(8.089.455.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76.498.297.022)	88.694.683.449
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(59.838.388.566)	(11.794.134.196)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	222.303.500	-
3. Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	-	(12.600.000.000)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	178.400.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	35.660.415.289	27.599.490.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	154.444.330.223	3.205.355.864
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(28.087.180.000)	(27.922.438.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.087.180.000)	(27.922.438.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	49.858.853.201	63.977.601.313
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	117.005.468.356	52.899.331.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.373.732)	128.535.196
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	166.862.947.825	117.005.468.356


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng




Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PTSC").

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, với mã chứng khoán "POS".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 581 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 591 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp và/hoặc gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sau khi được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 3.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TRƯỚC

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại thông báo kết quả kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2020. Những thay đổi trong một số khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi thuần tăng/(giảm) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	270.706.155.410	277.148.838.018	6.442.682.608
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(2.375.805.178)	(2.375.805.178)
Hàng tồn kho	141	57.570.409.809	54.914.730.913	(2.655.678.896)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	30.243.039.248	30.024.511.187	(218.528.061)
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.892.897.242	6.057.893.592	1.164.996.350
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	7.283.461.966	7.056.933.812	(226.528.154)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	176.115.457.676	175.121.654.472	(993.803.204)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25.715.261.919	27.708.449.147	1.993.187.228
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	57.773.322.693	51.211.428.288	(6.561.894.405)
Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.211.147.989	5.078.507.217	(1.132.640.772)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	38.336.942.033	47.163.231.855	8.826.289.822
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	34.078.884.080	42.905.173.902	8.826.289.822

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Thay đổi thuần
		VND	VND	tăng/(giảm) VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	1.424.402.277.675	1.430.716.777.968	6.314.500.293
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	1.336.614.981.565	1.329.507.671.476	(7.107.310.089)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	63.134.616.236	65.510.421.414	2.375.805.178
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11.074.310.604	13.067.497.832	1.993.187.228
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	1.423.970.892	1.650.499.046	226.528.154
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	34.078.884.080	42.905.173.902	8.826.289.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	667	814	147

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Thay đổi thuần
		VND	VND	tăng/(giảm) VND
Lợi nhuận trước thuế	01	46.577.165.576	57.623.170.780	11.046.005.204
Điều chỉnh cho các khoản:				
Các khoản dự phòng	03	(2.424.336.913)	(1.181.172.507)	1.243.164.406
Thay đổi các khoản phải thu	09	91.600.837.390	85.376.682.843	(6.224.154.547)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(35.552.043.914)	(32.896.365.018)	2.655.678.896
Thay đổi các khoản phải trả	11	38.035.097.239	30.479.399.630	(7.555.697.609)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.271.835.483)	(6.436.831.833)	(1.164.996.350)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ đã quá hạn mà Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm bảo hiểm và các khoản chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá mười hai tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm con người, chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí thuê mặt bằng và các khoản chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời hạn trên mười hai tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong trường hợp Công ty có hợp đồng có rủi ro lớn, nghĩa vụ hiện tại theo hợp đồng sẽ được ghi nhận và tính như một khoản dự phòng. Tổn thất dự kiến từ các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi ước tính chính xác nhất của tổng chi phí hợp đồng vượt quá giá trị hợp đồng dự kiến.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh sửa chữa, nếu chi phí thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính đó.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích theo tỷ lệ tối đa 10% trên thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc trích lập và sử dụng quỹ được thực hiện theo chính sách của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	592.307.901	328.981.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.269.639.924	76.676.487.162
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	<u>166.861.947.825</u>	<u>117.005.468.356</u>

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất được hưởng từ 4,6%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,8%/năm).

Công ty đang dùng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 129.429.857.666 đồng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các dự án Công ty đang thực hiện hoặc đối với các dự án Công ty đang trong quá trình tham gia dự thầu.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
a. Phải thu từ bên thứ ba		
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	471.868.864.531	-
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	18.671.434.703	25.082.096.600
Khác	276.586.836.853	150.917.817.725
b. Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 35)	575.489.321.406	101.148.923.693
	<u>1.342.616.457.493</u>	<u>277.148.838.018</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(7.094.854.388)</u>	<u>(2.375.805.178)</u>
	<u>1.335.521.603.105</u>	<u>274.773.032.840</u>

8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Trả trước cho bên thứ ba		
Gulf Agency CO. Qatar W.L.L	22.869.818.022	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	19.972.677.529	477.365.229
Khác	7.752.579.641	3.573.046.400
b. Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh 35)	-	12.072.472.481
	<u>50.595.075.192</u>	<u>16.122.884.110</u>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi tiền gửi dự thu	16.769.930.904	23.398.258.712
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.406.196.949	8.020.412.256
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	819.066.637	14.529.496.853
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	148.885.456	8.763.690.382
Phải thu ngắn hạn khác	1.954.828.177	1.667.747.462
	<u>26.098.908.123</u>	<u>56.379.605.665</u>
b. Phải thu dài hạn khác		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.095.000.000	2.095.000.000

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.805.084.832	-	6.564.787.459	-
Công cụ, dụng cụ	21.190.356.564	-	16.598.990.891	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	265.866.302.580	(39.219.793.806)	31.750.952.563	-
	293.861.743.976	(39.219.793.806)	54.914.730.913	-

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí liên quan đến nguyên vật liệu, máy móc và chi phí dịch vụ mua ngoài của các dự án dở dang như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Dự án GALLAF cho Qatar	251.848.395.717	(39.219.793.806)	24.099.251.476	-
Dự án NCS 2	9.512.028.099	-	1.686.169.920	-
Dự án HUC Sao vàng Đại Nguyệt (PMC)	2.700.880.593	-	-	-
Chi phí dự án Long Phú	1.804.998.171	-	1.223.888.705	-
Dự án Long Sơn	-	-	1.000.435.370	-
Dự án Sao vàng Đại Nguyệt PL	-	-	1.511.716.455	-
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt FPSO	-	-	1.140.618.115	-
Dự án E1 cho JPVC - Chế tạo GLS	-	-	79.890.000	-
Dự án PP4 Etech	-	-	1.008.982.522	-
	265.866.302.580	(39.219.793.806)	31.750.952.563	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	926.500.219	1.895.261.156
Các khoản khác	-	2.107.592.881
	926.500.219	4.002.854.037
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất	8.302.556.700	-
Chi phí phục vụ dự án Long Sơn	13.431.991.051	-
Công cụ dụng cụ, thiết bị thay thế xuất dùng	33.812.065.500	5.863.136.526
Các khoản khác	326.269.935	194.757.066
	55.872.883.186	6.057.893.592

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	49.559.832.756	106.169.596.297	651.931.711.732	16.114.331.535	823.775.472.320
Tăng trong năm	-	46.724.083.015	4.086.985.455	9.386.710.000	60.197.778.470
Thanh lý, nhượng bán	-	(390.780.000)	(800.000.000)	(1.362.746.681)	(2.553.526.681)
Số dư cuối năm	49.559.832.756	152.502.899.312	655.218.697.187	24.138.294.854	881.419.724.109
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	40.001.283.226	94.379.602.966	651.004.639.522	15.190.951.774	800.576.477.488
Khấu hao trong năm	765.794.497	9.324.523.223	1.107.422.081	3.189.128.612	14.386.868.413
Thanh lý, nhượng bán	-	(390.780.000)	(800.000.000)	(1.362.746.681)	(2.553.526.681)
Số dư cuối năm	40.767.077.723	103.313.346.189	651.312.061.603	17.017.333.705	812.409.819.220
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	9.558.549.530	11.789.993.331	927.072.210	923.379.761	23.198.994.832
Tại ngày cuối năm	8.792.755.033	49.189.553.123	3.906.635.584	7.120.961.149	69.009.904.889

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 788.032.696.471 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 778.089.008.789 đồng).



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	16.311.377.800
Tăng trong năm	1.998.800.000
Thanh lý, nhượng bán	<u>(79.492.800)</u>
Số dư cuối năm	<u>18.230.685.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	12.619.968.471
Khấu hao trong năm	1.822.422.096
Thanh lý, nhượng bán	<u>(79.492.800)</u>
Số dư cuối năm	<u>14.362.897.767</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u><u>3.691.409.329</u></u>
Tại ngày cuối năm	<u><u>3.867.787.233</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.847.875.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.927.367.800 đồng).

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

	<u>Chi phí phải trả và các khoản</u> <u>dự phòng khác</u> VND
Số dư đầu năm trước	8.707.432.858
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>(1.650.499.046)</u>
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	7.056.933.812
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>9.791.873.213</u>
Số dư cuối năm nay	<u><u>16.848.807.025</u></u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> <u>(Trình bày lại)</u> VND
a. Phải trả bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	275.069.040.213	-
Ocean Works Asia Pte. Ltd.	113.759.693.066	-
McDermott Asia Pacific SDN BHD	5.720.075.805	7.407.961.049
Công ty Thương mại Kỹ thuật M.T	-	7.805.304.123
Khác	613.772.919.472	118.494.338.733
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 35)	102.967.653.409	41.414.050.567
	<u><u>1.111.289.381.965</u></u>	<u><u>175.121.654.472</u></u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Nhận ứng trước từ bên thứ ba Technip Geoproduction (M) SDN BHD	7.718.544.210	-
b. Ứng trước từ các bên liên quan (Thuyết minh 35)	98.726.032.661	24.406.829.391
	<u>106.444.576.871</u>	<u>24.406.829.391</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND	<u>Số phải nộp</u> trong năm VND	<u>Số đã thực nộp</u> trong năm VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.679.214.322	6.493.459.416	11.185.754.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.673.376.095	40.458.056.286	25.139.008.614	22.992.423.767
Thuế thu nhập cá nhân	2.714.990.728	33.994.206.726	32.611.594.214	4.097.603.240
Thuế xuất, nhập khẩu	-	954.197.049	954.197.049	-
Thuế nhà thầu	17.320.082.324	60.423.231.807	76.519.281.249	1.224.032.882
Các loại thuế khác	-	837.000.000	837.000.000	-
	<u>27.708.449.147</u>	<u>154.345.906.190</u>	<u>142.554.540.542</u>	<u>39.499.814.795</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
Trích trước chi phí dự án	115.575.803.618	35.815.304.693
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	14.646.973.107
Trích trước chi phí khác	5.657.516.344	749.150.488
	<u>121.233.319.962</u>	<u>51.211.428.288</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	4.605.937.019	2.864.587.520
Cổ tức phải trả	1.204.992.500	1.292.172.500
Kinh phí công đoàn	578.718.094	1.049.742.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.312.836.626	25.509.715.868
	<u>43.702.484.239</u>	<u>30.716.218.298</u>

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Dự án HUC Gallaf	12.341.405.713	-
Dự án PLD SS7	2.436.342.943	2.436.342.943
Dự án PP4	1.243.014.553	-
Dự án Subsea 7	957.472.721	-
Dự án GPP Dinh Cố	-	6.829.445.503
Dự án PLD Rosneft	-	2.152.197.037
	16.978.235.930	11.417.985.483
b. Dài hạn		
Dự án HUC Sao vàng Đại Nguyệt	10.146.140.249	-
Dự án HUC Gallaf	3.221.053.620	-
Dự án Long Sơn	3.083.669.290	-
DA E1 JVPC (2020)	3.009.110.760	-
Dự án FSO Sao vàng Đại Nguyệt	1.609.371.271	-
Dự án E1 JVPC	-	2.878.019.943
Dự án Subsea 7	-	957.472.721
Dự án PP4	-	1.243.014.553
	21.069.345.190	5.078.507.217

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	308.742.964.235	39.658.057.953	748.401.022.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	42.905.173.902	42.905.173.902
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(7.400.000.000)	(7.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	400.000.000.000	308.742.964.235	47.163.231.855	755.906.196.090
Lợi nhuận trong năm	-	-	101.547.480.758	101.547.480.758
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(10.336.942.033)	(10.336.942.033)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	110.373.770.580	819.116.734.815

Theo Nghị Quyết số 07/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2019 với số tiền lần lượt là 28.000.000.000 đồng và 10.336.942.033 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn đã góp
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Số đầu năm và số cuối năm VND
PTSC	33.980.700	85%	339.807.000.000	339.807.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	4.000.000	10%	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ đông khác	2.019.300	5%	20.193.000.000	20.193.000.000
	40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	12.738	1.023.426

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình đầu khí biển, cung ứng hàng hóa và nhân lực. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25 bên dưới. Công ty không lập báo cáo bộ phận cho tài sản và công nợ vì tài sản được sử dụng chung cho toàn bộ các dịch vụ và một nhà cung cấp có thể cung cấp nhiều loại dịch vụ cho Công ty.

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý vì hầu hết các hoạt động của Công ty chính thực hiện ở Việt Nam nên không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.



24. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Dịch vụ cung ứng lao động	4.143.556.622	27.164.781.761
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	92.257.410.575	40.806.338.122
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	2.851.265.491.972	1.076.582.149.114
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	206.465.691.799	221.102.278.233
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	248.004.831.063	65.061.230.738
	3.402.136.982.031	1.430.716.777.968
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 35)	2.227.714.617.354	729.068.485.434
Doanh thu với bên thứ ba	1.174.422.364.677	701.648.292.534
	3.402.136.982.031	1.430.716.777.968

25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Dịch vụ cung ứng lao động	3.164.965.977	26.440.638.201
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	68.785.264.684	38.118.896.923
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	2.661.952.840.810	994.216.877.903
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	191.044.019.935	207.110.344.076
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	235.078.629.298	63.620.914.373
	3.160.025.720.704	1.329.507.671.476

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.581.309.488	62.596.574.894
Chi phí nhân công	438.368.812.950	304.086.500.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.209.290.509	9.272.199.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.623.873.158.433	1.033.546.937.513
Chi phí dự phòng	53.148.525.723	(1.181.172.507)
Chi phí dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn	12.341.405.713	-
Chi phí khác bằng tiền	13.974.152.612	3.722.749.273
	3.301.496.655.428	1.412.043.789.493

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	29.032.087.481	33.389.840.378
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.633.955.771	4.676.002.235
	33.666.043.252	38.065.842.613

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	332.901.046	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	619.268.450	2.039.269.305
	952.169.496	2.039.269.305

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	23.056.513.141	13.280.975.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.728.756	513.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.852.413.927	3.507.583.101
Chi phí khác	354.060.722	274.111.362
	26.280.716.546	17.063.182.884

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.758.959.130	822.159.080
Chi phí lương	68.740.122.217	39.983.163.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.488.708.312	2.170.508.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.533.587.690	18.864.242.958
Chi phí dự phòng phải thu	4.719.049.210	2.375.805.178
Chi phí dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn	12.341.405.713	-
Chi phí khác	2.608.385.906	1.294.542.189
	115.190.218.178	65.510.421.414

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	132.213.663.831	57.623.170.780
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Trừ:		
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước	18.400.062.720	23.204.261.151
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	11.859.662.483	8.635.484.902
- Khác	388.113.637	279.432.760
Cộng:		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	22.249.892.301	15.966.813.620
- Doanh thu chưa thực hiện năm nay	2.091.875.000	18.400.062.720
- Trích lập chi phí dự phòng	72.436.704.418	5.078.507.217
- Khác	3.945.984.721	388.113.637
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	202.290.281.431	65.337.489.161
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.458.056.286	13.067.497.832

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	101.547.480.758	42.905.173.902
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	16.270.000.000	10.336.942.033
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	85.277.480.758	32.568.231.869
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.132</u>	<u>814</u>

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.709.006.300</u>	<u>-</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	922.506.300	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.690.025.200	-
Trên năm năm	<u>4.612.531.500</u>	<u>-</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản phải trả cho việc thuê bến bãi với thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã ký kết các hợp đồng cấp bảo lãnh với các ngân hàng thương mại để các ngân hàng này phát hành thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các dự án mà Công ty đã tham gia dự thầu và các dự án đã trúng thầu đang được triển khai thực hiện với tổng số tiền được bảo lãnh là 5.049.677 Đô la Mỹ và 138.432.305.172 đồng.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.432.090.159	117.005.468.356
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.670.000.000	522.070.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.368.199.332.522	319.447.315.722
	1.749.301.422.681	958.522.784.078
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.111.289.381.965	175.121.654.472
Chi phí phải trả	121.233.319.962	51.211.428.288
Dự phòng phải trả	38.047.581.120	16.496.492.700
	1.270.570.283.047	242.829.575.460

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	68.338.590.142	47.764.689.126	208.261.586.708	9.128.282.626

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.936.147.941	(772.728.130)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.432.090.159	-	165.432.090.159
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.670.000.000	-	215.670.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>1.366.104.332.522</u>	<u>2.095.000.000</u>	<u>1.368.199.332.522</u>
	<u>1.747.206.422.681</u>	<u>2.095.000.000</u>	<u>1.749.301.422.681</u>
Phải trả người bán	1.111.289.381.965	-	1.111.289.381.965
Chi phí phải trả	121.233.319.962	-	121.233.319.962
Dự phòng phải trả	16.978.235.930	21.069.345.190	38.047.581.120
	<u>1.249.500.937.857</u>	<u>21.069.345.190</u>	<u>1.270.570.283.047</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>497.705.484.824</u>	<u>(18.974.345.190)</u>	<u>478.731.139.634</u>
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.005.468.356	-	117.005.468.356
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	522.070.000.000	-	522.070.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>317.352.315.722</u>	<u>2.095.000.000</u>	<u>319.447.315.722</u>
	<u>956.427.784.078</u>	<u>2.095.000.000</u>	<u>958.522.784.078</u>
Phải trả người bán	175.121.654.472	-	175.121.654.472
Chi phí phải trả	51.211.428.288	-	51.211.428.288
Dự phòng phải trả	11.417.985.483	5.078.507.217	16.496.492.700
	<u>237.751.068.243</u>	<u>5.078.507.217</u>	<u>242.829.575.460</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>718.676.715.835</u>	<u>(2.983.507.217)</u>	<u>715.693.208.618</u>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng PTSC	PTSC - Ban xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Supply Base	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Marine	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	PTSC Thanh Hóa	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	PTSC Quảng Ngãi	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	PVSB	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	PTSC PPS	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	PTSC G&S	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC Hotel	Thành viên PTSC
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	Thành viên PTSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Phía nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	PVD Training	Thành viên PVN
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	PVD Tech	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC-MS	Thành viên PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	BIENDONGPOC	Thành viên PVN
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	NCSP	Thành viên PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	PVMR Corp	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Petrosetco	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PV Trans	Thành viên PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	PVEP	Thành viên PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	PVMTC	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	EIC	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC M&C	996.428.641.434	671.829.911.447
PTSC Quảng Ngãi	3.300.412.186	-
PTSC Thanh Hóa	2.744.481.112	4.179.330.953
PTSC - Marine	171.614.306	77.306.510
PTSC PPS	13.215.400	15.500.000
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PTSC	713.926.650.088	3.002.326.250
PVEP	416.971.174.246	40.407.292.238
BSR	72.579.504.292	-
BIENDONGPOC	21.389.004.290	9.113.147.336
PVD Training	189.920.000	-
NCSP	-	443.670.700
	<u>2.227.714.617.354</u>	<u>729.068.485.434</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC - Marine	70.436.730.569	41.419.490.108
PV Shipyard	32.712.672.113	2.287.904.123
PTSC - Supply Base	28.334.821.800	28.340.331.288
PTSC G&S	21.701.636.951	5.927.250.000
PTSC Quảng Ngãi	11.273.555.998	-
PTSC Hotel	6.214.489.945	3.046.934.909
PVSB	2.883.166.630	5.227.928.000
PTSC PPS	2.686.785.750	-
PTSC - Đà Nẵng	1.354.525.909	11.617.273
PTSC - Ban xây dựng	1.148.855.000	249.338.000
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	332.868.039	752.792.118
PTSC M&C	269.660.000	12.827.234.442
PTSC Thanh Hóa	187.110.000	247.100.000
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PVD Training	28.538.809.127	803.886.250
PVMTC	11.458.331.000	-
Petrosetco	8.293.873.000	2.991.119.000
PVI Vũng Tàu	6.720.141.122	5.768.600.774
PVD Tech	3.834.298.000	-
PVI Phía Nam	2.840.384.691	3.105.069.683
PVC - MS	2.702.728.660	1.384.651.476
EIC	95.000.000	-
PTSC	63.099.145	31.769.275
PVEP	35.604.442	88.650.602.040
PV Trans	-	12.786.163.190
PSI	-	291.002.300
PVN	-	268.113.050
	<u>244.119.147.891</u>	<u>216.418.897.299</u>
Cố tức đã trả		
PTSC	<u>23.786.490.000</u>	<u>23.786.490.000</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>		
Nguyễn Tiên Phong	152.000.000	103.000.000
Nguyễn Tuấn	76.000.000	24.000.000
Nguyễn Thế Hoàng	40.000.000	-
	<u>268.000.000</u>	<u>127.000.000</u>
<u>Ban Giám đốc</u>		
Dương Hùng Văn	1.597.881.600	1.147.930.600
Lê Toàn Thắng	1.284.318.000	855.636.000
Nguyễn Văn Điệp	1.379.372.000	903.176.000
Vũ Chí Việ	1.315.087.600	896.366.800
Nguyễn Văn Dương	1.100.845.000	-
Nguyễn Minh Ngọc	1.091.752.600	687.617.000
	<u>7.769.256.800</u>	<u>4.490.726.400</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC M&C	136.249.615.498	20.970.644.212
PTSC Quảng Ngãi	3.300.412.187	-
PTSC Thanh Hóa	1.424.202.371	1.987.709.172
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	467.197.119	467.197.119
PTSC - Marine	151.293.446	9.133.938
PTSC - Supply Base	-	206.250.000
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PTSC	281.410.135.310	63.026.691.381
PVEP	138.981.695.337	13.390.708.371
BIENDONGPOC	13.210.354.575	1.090.589.500
PVD Training	189.920.000	-
PVI Vũng Tàu	104.495.563	-
	<u>575.489.321.406</u>	<u>101.148.923.693</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải trả		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC - Marine	33.489.640.686	3.938.486.692
PTSC - Supply Base	16.496.797.055	10.589.675.532
PTSC Quảng Ngãi	6.856.880.939	-
PV Shipyard	5.720.314.979	415.500.914
PTSC Hotel	3.639.719.975	1.087.513.286
PTSC - Đà Nẵng	1.526.465.800	44.615.000
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	1.187.017.757	821.352.118
PTSC G&S	617.506.579	-
PTSC PPS	498.960.000	253.968.964
PVSB	470.633.493	-
PTSC M&C	61.182.000	4.116.102.305
PTSC Thanh Hóa	-	123.200.000
PTSC - Ban Xây dựng	-	274.271.800
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PVD Training	18.265.740.396	-
PVMTC	6.401.842.845	-
PVI Vũng Tàu	4.713.114.877	410.165.420
PVC - MS	2.931.839.726	553.038.200
PTSC PPS	35.604.442	-
PTSC	33.491.860	4.331.526.209
EIC	20.900.000	50.965.420
DQS	-	14.064.779.509
PVI Phía Nam	-	315.009.198
PVMR Corp	-	23.880.000
	<u>102.967.653.409</u>	<u>41.414.050.567</u>
Trả trước cho người bán		
PV Shipyard	-	7.384.212.645
DQS	-	4.688.259.836
	<u>-</u>	<u>12.072.472.481</u>
Người mua trả tiền trước		
PTSC	56.521.466.544	13.310.399.729
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
PTSC Thanh Hóa	1.663.929.928	-
PTSC Quảng Ngãi	285.829.639	-
PTSC M&C	6.927.000.000	-
BSR	22.231.376.888	-
	<u>98.726.032.661</u>	<u>24.406.829.391</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
PTSC	148.885.456	8.763.690.382

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 6.942.861.540 đồng (năm 2019: 4.584.671.636 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 16.769.930.904 đồng (năm 2019: 23.398.258.712 đồng) là khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.204.992.500 đồng (năm 2019: 1.292.172.500 đồng) là số cổ tức còn phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Đương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
và kế hoạch tài chính năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch tài chính năm 2021 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2020:

Theo Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte kiểm toán, phát hành, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2020 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH 2020/ KH 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.482,99	3.436,07	98,65%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	90,28	132,21	146,44%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	72,27	101,55	140,51%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	9,25%	12,40%	134,01%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ cuối năm	%	18,07%	25,39%	140,51%
7	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	72,27	101,55	140,51%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 07/NQ-LĐBD-ĐHQT được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 12/06/2020.

- Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2020. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Tuân thủ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2020 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	72,27	110,37
2	Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	56,00	60,00
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	15,40	21,37
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,87	1,00
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		28,00

* Lợi nhuận được phân phối (110,37 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2020: 101,55 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây: 8,82 tỷ đồng.

3. Kế hoạch tài chính năm 2021

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận 2021

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu	:	1.454,67 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	:	33,38 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	26,70 tỷ đồng

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021:

Hội đồng quản trị đã xây dựng Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	KH 2021/ TH 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38	132,21	25,23%
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70	101,55	26,30%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,68%	25,39%	26,30%
5	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	54,71	110,37	24,20%
+	Chia cổ tức (11% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	44,00	60,00	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	KH 2021/ TH 2020
+	Quĩ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	10,40	21,37	
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,30	1,00	

* Lợi nhuận được phân phối năm 2021 (54,71 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2021: 26,71 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020: 28 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

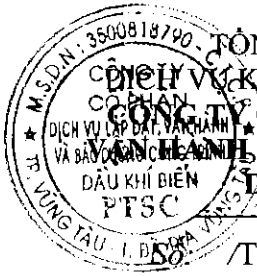
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN
PTSC

/TTr-LĐBD-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Tổng công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

2

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc;
- Lưu : VT, BKS.

Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC (Công ty POS), liên quan đến các nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo một số nội dung như sau:

Nhân sự Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty POS bao gồm 05 thành viên:

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	Năm bầu /bổ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	2018
2.	Ông Dương Hùng Văn	TV HĐQT kiêm nhiệm – Giám đốc	2017
3.	Ông Vũ Chi Viện	TV HĐQT kiêm nhiệm	2016
4.	Ông Nguyễn Tuấn	TV HĐQT kiêm nhiệm	2019
5.	Ông Nguyễn Thế Hoàng	TV HĐQT kiêm nhiệm	2016

Trong đó, ông Vũ Chi Viện – Thành viên HĐQT và ông Nguyễn Thế Hoàng – Thành viên HĐQT sẽ hết nhiệm kỳ từ 19/4/2021.

Nhân sự Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty POS bao gồm 03 thành viên:

STT	Ban Kiểm soát	Chức danh	Năm bầu /bổ nhiệm
1.	Ông Trương Trọng Huy	Trưởng BKS	2020
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Thành viên BKS	2018
3.	Bà Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	2018

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền đã có đơn từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty POS (như tài liệu đính kèm).



Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, HĐQT đã triển khai các thủ tục liên quan, công bố việc tiến hành lập danh sách ứng viên và tổ chức bầu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đến các cổ đông theo quy định.

Trên cơ sở tổng hợp danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn làm Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được giới thiệu từ các cổ đông đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị đã lập danh sách ứng viên như phụ lục kèm theo.

Để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ cũng như sự ổn định trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** theo Đơn từ nhiệm cá nhân.
2. Tiến hành bầu bổ sung **02** Thành viên Hội đồng quản trị, **01** Thành viên Ban kiểm soát từ danh sách ứng viên được lập (đính kèm) theo trình tự thủ tục quy định tại Quy chế bầu cử đã thông qua.

(Các thông tin, tài liệu liên quan chi tiết như Hồ sơ đính kèm).

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

DANH SÁCH ỨNG VIÊN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-LĐBD-HĐQT ngày / /2021)

I. Ứng viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên ứng viên	Người giới thiệu
1.	Ông Vũ Chi Viện	- Tên cổ đông: Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Số cổ phần sở hữu: 33.980.700 CP - Tỷ lệ sở hữu: 84,95% VDL - Thời gian sở hữu: liên tục trên 6 tháng
2.	Ông/Bà	- Tên cổ đông: - Số cổ phần sở hữu: - Tỷ lệ sở hữu: - Thời gian sở hữu:
3.	Ông/Bà	- Tên cổ đông: - Số cổ phần sở hữu: - Tỷ lệ sở hữu: - Thời gian sở hữu:
4.

II. Ứng viên bầu Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên ứng viên	Người giới thiệu
1.	Bà Phạm Thu Hiền	- Tên cổ đông: Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Số cổ phần sở hữu: 33.980.700 CP - Tỷ lệ sở hữu: 84,95% VDL - Thời gian sở hữu: liên tục trên 6 tháng

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM NHIỆM) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

- Kính gửi:**
- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS)
 - Hội đồng quản trị Công ty POS
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty POS
- Đồng kính gửi:**
- Lãnh đạo Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty PTSC)
 - Ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty PTSC

Tôi tên: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Sinh ngày: 07/7/1982

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát (kiểm nhiệm) Công ty POS

Theo sự phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty PTSC, tôi được cử làm Người đại diện của Tổng công ty PTSC tại Công ty POS và được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát (kiểm nhiệm) của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01/4/2013. Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, tôi đã luôn cố gắng hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được giao.

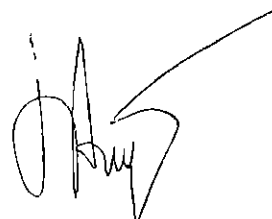
Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc hiện nay, tôi nhận thấy bản thân có sự hạn chế về thời gian và điều kiện để có thể tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty POS.

Vì vậy, tôi làm đơn này kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát Công ty POS xem xét cho tôi được từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát Công ty POS.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Họ và tên khai sinh: Vũ Chi Viện
- Họ và tên thường gọi: Vũ Chi Viện
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1967
- Nơi sinh: Hải An – Hải Hậu – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 036067003952 ngày cấp: 04/10/2018 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ thường trú: H2, Đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 0908001278
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Tên pháp nhân (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân): Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
+ Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp của pháp nhân số: 0100150577 Ngày cấp: 20/02/2019 (thay đổi lần thứ 10)
+ Địa chỉ pháp nhân: Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
+ Tỷ lệ vốn góp được đại diện: (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân): 8.000.000 Cổ phần tương ứng 20% Vốn điều lệ
- Trình độ chuyên môn:

Tên văn bằng	Trình độ	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Cử nhân kinh tế	Đại học	9/1984 – 9/1988	Trường Đại học Thương nghiệp Hà Nội
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Sau Đại học	1999 - 2002	Trường Đại học Mở bán công Thành phố HCM
Quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh tế thị trường	Chứng chỉ	09/1999 10/1999	Trường Đại học Bách khoa Tp HCM và AIT
Bồi dưỡng Quốc phòng An ninh đối tượng 3	Chứng chỉ	02/8/2012 17/8/2012	Trường quân sự Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Cao cấp chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	3/2018 - 9/2019	Học viện Chính trị Khu vực II
-------------------	---------------------------	-----------------	-------------------------------

13. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1989-9/1993	Công ty Công nghệ phẩm Hà Nam Ninh	Chuyên viên Phòng kế hoạch nghiệp vụ
10/1993-10/1994	Cửa hàng xăng dầu số 6 – Công ty xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Cửa hàng trưởng
11/1994-06/1998	Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Chuyên viên Tổng hợp – Thư ký Giám đốc
07/1998-04/2002	Công ty xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Chuyên viên Kinh doanh / Chi ủy viên Chi bộ Nghiệp vụ văn phòng
04/2002-09/2002	Công ty Tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên Phòng Kinh doanh vận chuyển khí
09/2002–04/2004	Xí nghiệp Dịch vụ khai thác dầu khí PTSC	Chuyên viên Phòng Thương mại
04/2004-09/2007	Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ khai thác dầu khí PTSC	Phó phòng Thương mại
09/2007-04/2008	Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ Lắp đặt Vận hành bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Phó phòng phụ trách phòng HCNS
10/2008 - 12/2011	Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ Lắp đặt Vận hành bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Phó Bí thư Đảng bộ, Trưởng phòng HCNS, Chủ tịch Công đoàn
12/2011 – 15/3/2021	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng CTDK biển PTSC	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty, TV HĐQT, Chủ tịch Công đoàn
16/3/2021 - Nay	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng CTDK biển PTSC	Phó Bí thư Đảng ủy, TV HĐQT, Chủ tịch Công đoàn

14. Danh sách Người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Số CP sở hữu
1.	Vũ Ngọc Vân (liệt sỹ)	Bố	1932	Nam Định		
2.	Vũ Thị Oanh	Mẹ	1936	Nam Định	Vũng Tàu	0
3.	Vũ Tiến Thành	Con	2006	Nam Định	Vũng Tàu	0

4.	Vũ Thị Kim Mùi	Chị	1955	Nam Định	Vũng Tàu	0
5.	Vũ Thị Kim Lơ	Chị	1958	Nam Định	Vũng Tàu	0
6.	Vũ Thị Kim Lanh	Chị	1961	Nam Định	Vũng Tàu	0
7.	Vũ Thị Huyền	Chị	1964	Nam Định	Nam Định	0

Tôi cam kết:

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị;
- Các thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH
ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên khai sinh: Phạm Thu Hiền
2. Họ và tên thường gọi: Phạm Thu Hiền
3. Giới tính: Nam/Nữ : Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 02/10/1988
5. Nơi sinh: Thái Nguyên
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. CMND số: ngày cấp: 273644117 nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu
8. Địa chỉ thường trú: 870/4C Đường 30/4 Phường 11, Thành phố Vũng Tàu.
9. Số điện thoại liên lạc: 0984806939
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Tên pháp nhân (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân): ...
+ Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp của pháp nhân số: Ngày cấp:
+ Địa chỉ pháp nhân:
+ Số cổ phần sở hữu/đại diện: (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân):
12. Trình độ chuyên môn:

Tên văn bằng	Trình độ	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Cử nhân kế toán	Đại học	T9/2006-T9/2010	Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu
Cử nhân quản trị kinh doanh	Đại học	T6/2014_T8/2016	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2012 đến tháng 9/2012	Phòng HCNS, Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, vận hành bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty LDBD)	Nhân viên quản lý tài liệu
10/2012 đến	Phòng TCKT, Công ty LDBD	Chuyên viên kế toán ngân

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
tháng 4/2013		hàng
T5/2014 đến nay	Phòng HCNS, Công ty LDBD	Chuyên viên quản lý nhân sự

14. Danh sách Người liên quan*:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Số cổ phần sở hữu
1	Phạm Thái Hoà	Bố đẻ	04/07/1958	Ninh Bình	Đã chết	0
2	Trần Thị Thái Hà	Mé đẻ	06/10/1961	Thái Nguyên	870/4C, Đường 30/4, Phường 11, Tp Vũng Tàu	0
3	Nguyễn Xuân Tuấn	Chồng	16/02/1985	Hà Nội	Số 284, Đường Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Tp Vũng Tàu	0
4	Nguyễn Xuân Vinh	Con đẻ	28/01/2016	Hà Nội	Số 284, Đường Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Tp Vũng Tàu	0
5	Nguyễn Xuân Minh	Con đẻ	18/04/2019	Hà Nội	Số 284, Đường Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Tp Vũng Tàu	0
6	Phạm Thanh Tuấn	Anh trai	25/12/1984	Ninh Bình	870/4C, Đường 30/4, Phường 11, Tp Vũng Tàu	0

Tôi cam kết:

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát;
- Các thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI



Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị
và Thành viên Ban kiểm soát năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC năm 2021,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất kế hoạch tiền lương, mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty năm 2021 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020:

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trong đó thông qua nội dung mức thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020. Công ty báo cáo tình hình thực hiện tiền lương, thù lao và thu nhập năm 2020 của HĐQT, Ban KS như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty:
 - Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (kiêm nhiệm): 05 người.
 - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm): 03 người.
2. Thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2020:
 - a) Hội đồng quản trị là 3.216.969.200 VNĐ, trong đó:
 - Quỹ tiền lương là 2.580.189.200 VNĐ.
 - Quỹ thù lao là 204.000.000 VNĐ.
 - Lợi ích khác là 432.780.000 VNĐ
 - b) Ban Kiểm soát là 66.000.000 VNĐ.

Tổng thù lao, tiền lương và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 được báo cáo cụ thể trong tài liệu Báo cáo hoạt động của Hội đồng



quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:
 - Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 - Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
2. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2021:
 - Thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
3. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2021:
 - Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Trưởng Ban Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi quý.

Mức thù lao nêu trên là phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021: Chi phí công vụ (bao gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư 116”).

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị Công ty và phù hợp với các quy chế của các cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động chứng khoán, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ như tài liệu đính kèm.

Dự thảo đã được Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng trên cơ sở Điều lệ và Quy chế quản trị mẫu quy định tại Thông tư 116, phù hợp với các quy định pháp luật và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty như kèm theo.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong



ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIÊN PTSC**

Vũng Tàu – tháng năm 2021

350
CỔ
CỔ
VU
00
DÀI
F
TU

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	27
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 34. Người điều hành Công ty	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	28
IX. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	29
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.	29
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	29
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	30
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	30
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	31
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	32
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	33
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	34
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 49. Năm tài chính	34
Điều 50. Chế độ kế toán.....	34
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý	35
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	35
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 53. Kiểm toán	35
XVII. CON DẤU	35
Điều 54. Con dấu.....	35
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	36
Điều 55. Chấm dứt hoạt động	36
Điều 56. Thanh lý.....	36
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 58. Điều lệ công ty.....	37
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - d. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - e. “Công ty” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - g. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - h. “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
 - j. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
 - l. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - n. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
 - Tên tiếng Anh: PTSC OFFSHORE SERVICES Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: POS
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Cảng Hạ Lưu PTSC – 65A đường 30/4 – phường Thắng Nhất – Thành phố Vũng Tàu
 - Điện thoại: + 84 254 3515758
 - Fax: + 84 254 3515759
 - E-mail: ptsc-pos@ptsc.com.vn
 - Website: <http://pos.ptsc.com.vn/>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.
6. Công ty là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“Tổng công ty”), có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tổng công ty theo quy định của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ của công ty mẹ, cổ đông đối với Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- a. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết:
 - Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí.
 - b. Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết:
 - Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng.
 - c. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Chi tiết:
 - Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ đi dòi và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.
 - d. Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết:
 - Cho thuê lại lao động (Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng).
 - e. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết:
 - Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử.
 - f. Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:
 - Mua bán vật tư phụ tùng: kinh doanh trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
 - g. Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết:
 - Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị: sửa chữa trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
 - h. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:
 - Lắp đặt, bảo trì trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- Thu lợi nhuận, vì lợi ích của cổ đông;
 - Phát triển Công ty lớn mạnh, bền vững;
 - Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;
 - Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng (bằng chữ: bốn trăm tỷ đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 40.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;

d. Giám đốc;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao

dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan

hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này..

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần, quyết định việc phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật;
 - c. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Thông qua quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- o. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- p. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật khi cần thiết;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu

được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp

chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua **Nghị quyết** của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu

được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
- g. Các thông tin khác;
- h. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Giám đốc;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các

thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không

chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của điều này.

3. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

4. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC nhất trí thông qua ngày 12 tháng 04 năm 2018 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC.

Chữ ký	Họ và tên	Chức vụ
	Dương Hùng Văn	Giám đốc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Trong bảng so sánh này:

- Các phần chữ in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ hiện hành
- Các phần chữ có dấu gạch: nội dung được xóa bỏ so với Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
1.	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.</p> <p>j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.</p> <p>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>e. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.</p> <p>f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>g. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>h. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới và Điều lệ mẫu theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC (TT116)</p> <p>Bổ sung thêm các thuật ngữ: "Người quản lý doanh nghiệp", "Sở giao dịch chứng khoán"</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đã phát hành của Công ty. Cổ đông được công nhận chính thức sẽ hữu hợp pháp có phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty.</p> <p>k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p>	<p>i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</p> <p>j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.</p> <p>l. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
2.	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</p> <p>6. Công ty là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng công ty"), có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tổng công ty theo quy định của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.</p> <p>Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ của công ty mẹ, cổ đông đối với Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 5 Điều này để phù hợp với nội dung Điều khoản theo Điều lệ mới, nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung Khoản 6 để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.</p>
3.		<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật.</p>	<p>Bổ sung thêm số lượng Người đại diện PL để phù hợp với Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
4.	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối và chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mô sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; - Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công trình lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng; - Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; - Mua bán vật tư, phụ tùng; Kinh doanh lắp đặt bảo trì sửa chữa trang thiết bị an toàn, phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; - Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu lợi nhuận tối đa; - Không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông; - Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh; - Đóng góp cho ngân sách Nhà nước; - Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội. 	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <p>a. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí. <p>b. Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng. <p>c. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mô sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi. <p>d. Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê lại lao động (Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng). e. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: - Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử. f. Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán vật tư phụ tùng: kinh doanh trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng. <p>g. Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị: sửa chữa trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp khác và dân dụng. 	<p>Bổ sung thêm nội dung Khoản 1 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh.</p> <p>Sửa đổi nội dung Khoản 2 Điều này để phù hợp với pháp luật và thực tiễn.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	<p>Sửa đổi cho ngắn gọn, theo Điều lệ mẫu TT116</p>
5.	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	<p>Sửa đổi nội dung Khoản 5, 6, 7 của Điều này để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>
6.	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các đồng hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ</p>	<p>Sửa đổi nội dung Khoản 5, 6, 7 của Điều này để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là có phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2, bổ sung chi tiết Khoản 4 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>
7.	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>
8.	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải tham gia tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
9.	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>i. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>j. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>k. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>l. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>m. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>n. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p>	<p>Bổ nội dung Khoản 1; sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 2, 3 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và bổ sung thêm nội dung về “quyền của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên”</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Quyền được đối xử công bằng;</p> <p>k. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công</p>	<p>p. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>q. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>r. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>s. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>t. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vẫn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
10.	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p>	Sửa đổi, bỏ một số nội dung, viết lại

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p> <p>7. Ngoài ra, Cổ đông lớn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p> <p>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau</p>	<p>cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
11.	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phân tích vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy</p>	<p>đấy:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoại cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, viết ngắn gọn lại để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại 0-Error! Reference source not found của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 14 này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	
12.	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội</p>	<p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định việc phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông</p>	<p>j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Thông qua quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;</p> <p>p. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật khi cần thiết;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khộp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chi định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một</p>	<p>sung</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
13.	<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được</p>	<p>số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p>	<p>Bổ sung nội dung, viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
14.	<p>xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 0, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Sửa đổi, bổ sung, tách nội dung Khoản 1 thành 2 nội dung; sửa đổi nội dung Khoản 2 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại được giữ nguyên theo Điều lệ cũ
	<p>Nội dung hiện hành</p> <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
15.	<p>có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày mời họp Đại hội cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>Trường họp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p> <p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	Sửa đổi nội dung Khoản 1, 2, 3, 4, 5 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; bổ sung nội dung về việc “đưa kiến nghị vào chương trình họp ĐHCĐ” theo Điều lệ mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một các hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ</p>	<p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đồng là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 3 của 0này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>đồng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
16.	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường họp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường họp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông</p>	Sửa đổi, viết lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
17.	<p>từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>Điều 20. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm phần đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt</p>	<p>báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>Điều 20. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật và nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p>	<p>tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Dự thảo Điều lệ mới</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây: a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>điểm hợp trong trường hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116</p>
18.	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo tài chính năm; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc. <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chỉ nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p>	
19.	<p>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116, cập nhật nội dung theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, của người đại diện theo pháp luật của công ty về Công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham</p>	<p>của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
	<p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin tài chính của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	
	<p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở công ty;</p>	<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
	<p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến có</p>	<p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến có đồng bằng văn bản nêu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đồng bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung, sửa đổi và bổ nội dung Khoản 3, 4 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
20.	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực,</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p> <p>4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
21.	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>này.</p>	
22.	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiếu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); Các thông tin khác (nếu có). <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử từ hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử từ ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử từ bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử từ năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử từ sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử từ bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử từ tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; g. Các thông tin khác; h. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
23.	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ.</p>	<p>Bổ sung nội dung, viết ngắn gọn lại theo Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
24.	<p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>Kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>Góp nội dung Khoản 2,3 và viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116</p>
	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua ;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê</p>	<p>và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Giám đốc;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	

Lý do sửa đổi/bổ sung	
<p>Dự thảo Điều lệ mới</p>	<p>1. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lô phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
<p>TT</p>	<p>Nội dung hiện hành</p> <p>chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hằng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phân vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>1. Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>		
25.	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán</p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng,</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
26.	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung; góp nội dung khoản 2,3 và viết lại cho ngắn gọn để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
27.	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội</p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, viết ngắn gọn lại; tách nội dung khoản 3 thành 2 khoản; bỏ nội dung các khoản 6, 7, 11, 12, 15 theo Điều lệ mẫu TT116</p>

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Điều lệ mới	Nội dung hiện hành	TT
	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm</p>	<p>đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nghệ từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo</p>	<p>soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội</p>	<p>đồng</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mật Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hướng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung	
28.	<p>biên-bản.</p> <p>Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về số lượng thành viên của tiêu ban; tỷ lệ các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của tiêu ban và việc bổ nhiệm Trưởng tiêu ban. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>
29.	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ mẫu TT116.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung “Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan” đối với quyền và nghĩa vụ của Người phụ</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ mẫu TT116.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung “Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan” đối với quyền và nghĩa vụ của Người phụ</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>trách quản trị công ty.</p>
30.	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên</p>	<p>Bộ số lượng Giám đốc, Kế toán trưởng theo nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
31.	<p>thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	<p>phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Tách nội dung Khoản 2 thành 2 Khoản, Bổ sung thêm nội dung để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116, nội dung Khoản còn lại vẫn giữ nguyên theo Điều lệ cũ</p>
32.	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tô chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tô chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý</p>	<p>Viết lại cho ngắn gọn Khoản 1 để không trùng với nội dung ở điều 34 Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Tuyền dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>f. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p>	<p>nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g. Tuyền dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế</p>		
33.	<p>Điều 36. Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p> <p>2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>		<p>Bổ nội dung này vì đã quy định tại Điều 32 đề phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
34.	<p>Điều 37. Ủy cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p>	<p>Điều 36. Ủy cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi Khoản 2 Điều này đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu TT116, nội dung Khoản còn lại vẫn giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Điều 38. Kiểm soát viên.</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>theo quy định của pháp luật</p> <p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
36.	<p>Nội dung hiện hành</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ</p>	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung theo Điều lệ mẫu TT116</p>
37.	<p>Điều 39. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp của Ban kiểm soát và tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Kiểm</p>



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
c.	Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;	chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	soát viên đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
d.	Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.	Tách nội dung Điều 39 thành Điều 39, 40, 41 theo Điều lệ mẫu TT116
e.	Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.	4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.	
f.	Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	
2.	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.	6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
3.	Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải hợp tác với Hội đồng quản trị và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
4.	Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách	8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Dự thảo Điều lệ mới</p> <p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	

350
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ
 PHÁT TRIỂN
 HỮU NGHỊ

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
38.	<p>Điều 40. Trách nhiệm cân trọng Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cân trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm cân trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty</p>	Viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ mẫu TT116
39.	<p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính từ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo</p>	Sửa đổi, viết ngắn gọn lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung	
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất mát và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuế luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	<p>Viết lại, bổ sung dung cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
40.				

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>		
41.	<p>Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này</p>	<p>Chi tiết về quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ; tách nội dung Khoản 1 thành 2 Khoản; các nội dung Khoản khác của Điều này đều được giữ nguyên theo Điều lệ cũ để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
42.	<p>Điều 44. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều</p>	<p>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn</p>	<p>Bổ nội dung Khoản 1, 2; các nội dung còn lại</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của điều này.</p>		<p>giữ nguyên theo Điều lệ cũ để phù hợp với TT116</p>
43.	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, Qũy DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p> <p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn chẵn mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết,</p>	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p> <p>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Sửa đổi, viết ngắn gọn lại cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
44.			

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
45.	<p>công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giới hạn việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>Điều 51. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Điều 53. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</p>	<p>Bổ một số nội dung theo Điều lệ mẫu TT116</p>
46.	<p>Điều 52. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 54. Con dấu</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung của Công ty, chi nhánh, văn phòng</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116 và quy định của pháp luật</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
47.	<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>Điều 54. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để có đồng ý về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</p> <p>Điều 55. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116.</p> <p>Bổ nội dung Điều 54 vì đã đề cập thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tại Điều 2</p>
48.	<p>Điều 58. Ngày hiệu lực</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2 điều này để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116, nội dung các Khoản còn lại vẫn giữ nguyên theo Điều lệ cũ</p>

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT	9
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	10
Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HĐQT.....	10
Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT	10
Điều 10. Công bố danh sách ứng viên	11
Điều 11. Cách thức bầu cử.....	11
Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT	12
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 14. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.....	12
Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	13
Điều 16. Cuộc họp của HĐQT	13
Điều 17. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	13
Điều 18. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT.....	14
Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	14
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên	14
Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	14
Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	14
Điều 23. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	15
Điều 24. Công bố danh sách ứng viên	15
Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	15
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	15

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	15
Điều 28. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	15
CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC	15
Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	15
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc	15
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA.....	16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC.....	16
Điều 31. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc.....	16
Điều 32. Trao đổi thông tin	16
Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Giám đốc	17
CHƯƠNG VII.....	19
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	19
Điều 34. Đánh giá hoạt động hàng năm.....	19
Điều 35. Khen thưởng, kỷ luật.....	19
CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	20

Căn cứ pháp lý:

Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là “Quy chế”) được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc luật định về quản trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông và Công ty.

2. Quy chế này quy định các nội dung về công tác quản trị, điều hành Công ty, áp dụng trong phạm vi Công ty, đối với cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý, Người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.

- “**DHĐCD**” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- “**HDQT**” là Hội đồng quản trị Công ty.

- “**BKS**” là Ban kiểm soát Công ty.

- “**KSV**” là Kiểm soát viên.

- “**VSD**” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.

b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc họp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.

c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông trừ trường hợp biểu mẫu khác do VSD quy định.

d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo họp ĐHĐCĐ

a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch.

b. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định tại điểm a khoản này.

c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm các nội dung chính sau:

- Tên và địa chỉ Công ty;
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

- Thời gian và địa điểm họp;

- Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;

- Ngày đăng ký cuối cùng;

- Chương trình nghị sự;

- Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;

- Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản;

- Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;

- Địa điểm đăng ký dự họp;

- Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông.

5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, thông báo mời họp,... theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

b. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như **Biểu mẫu 01**.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:

a. Trường hợp Cổ đông, người được ủy quyền của Cổ đông tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đến và Công ty nhận được trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.

8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo các điều kiện quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

10. Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết:

a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, bầu nhân sự HĐQT, BKS, người dự họp thực hiện theo trình tự được điều hành bởi chủ tọa, Ban kiểm phiếu.

11. Cách thức kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách **nhân sự Ban kiểm phiếu** và/hoặc những người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.

12. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua

Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo các điều kiện được quy định tại 21 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Nội dung kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ Công ty.

b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

f. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp.

17. Công bố thông tin kết quả cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ như Khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

c. Nội dung và hình thức của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3, Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:

a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Chủ tịch là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch là tổ chức và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận do Công ty công bố.

b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Công ty chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.

3. Kiểm phiếu biểu quyết:

a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Chủ tịch không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

b. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4. Công bố kết quả kiểm phiếu:

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các chủ tịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Cách thức công bố áp dụng như trường hợp công bố kết quả cuộc họp trực tiếp theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Quy chế này.

5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Chủ tịch bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và

nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, giới thiệu

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề cử, giới thiệu ứng viên bầu làm Thành viên HĐQT. Số lượng đề cử được giới thiệu tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu đủ điều kiện giới thiệu được quy định tại Khoản 2, Điều 25, Điều lệ Công ty.

b. Hồ sơ ứng viên đề cử

- Văn bản đề cử ứng viên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty như **Biểu mẫu 02**;

- Lý lịch (CV) ứng viên như **Biểu mẫu 03**;

- Giấy tờ pháp lý chứng thực hợp lệ của ứng viên, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu theo quy định.

c. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo về thời gian theo các quy định hiện hành.

2. Ứng viên do HĐQT đề cử, giới thiệu

Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm tổ chức đề cử, giới thiệu thêm ứng viên như quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, theo trình tự như sau:

a. Các Thành viên HĐQT có quyền giới thiệu nhân sự để chọn làm ứng viên thành viên HĐQT. Trên cơ sở danh sách nhân sự được giới thiệu đủ các tiêu chuẩn

được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT tổ chức bỏ phiếu để lựa chọn nhân sự được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng ứng viên giới thiệu cho đợt bầu cử. Trường hợp có từ hai (02) nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Căn cứ vào kết quả lựa chọn nhân sự tại điểm a Khoản này, HĐQT ban hành nghị quyết phê chuẩn danh sách ứng viên được giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT.

3. Ứng viên do cổ đông khác đề cử, giới thiệu

Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các cổ đông khác theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

4. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định, đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty.

Điều 10. Công bố danh sách ứng viên

1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên HĐQT, KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT, KSV được bầu, và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số hoặc phân bố đồng đều cho tất cả ứng viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Công ty.

Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;
- b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;
- c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Công ty công bố trước đợt bầu cử;
- d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Cách thức xác định kết quả bầu:

a. Căn cứ vào số lượng thành viên cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả như bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT khi bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Điều 14. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:

- a. Hết nhiệm kỳ;
- b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định.
- c. Có đơn từ chức.

2. Trình tự thực hiện việc bầu Chủ tịch HĐQT:

- a. Lựa chọn ứng viên để bầu:
 - HĐQT lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.
 - Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định hiện hành về công tác nhân sự liên quan đối với từng chức danh.

b. Tổ chức phiên họp bầu cử:

- Triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử: Người được chọn làm Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử được xác định theo nguyên tắc sau: Trường hợp

toàn bộ HĐQT cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 154 Luật Doanh nghiệp thì HĐQT mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. Trường hợp còn lại, Thành viên HĐQT là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên HĐQT, theo quy định tại mục này, các Thành viên HĐQT phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.

- Mỗi Thành viên HĐQT có một phiếu bầu. Thành viên HĐQT được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.

- Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất.

- Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.

- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.

- Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các trường hợp khác HĐQT phải thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT thay thế trong thời gian bảy (07) ngày kể từ thời điểm có đủ căn cứ cho rằng Chủ tịch HĐQT đương nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Cuộc họp của HĐQT

Trình tự và thủ tục tổ chức cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 17. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 18. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HQĐT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HQĐT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty như quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của BKS

BKS là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty, gồm các KSV được bầu bởi ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của BKS

BKS có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của KSV

KSV có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng KSV

Số lượng KSV là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 23. Đề cử, ứng cử KSV

Việc đề cử, ứng cử KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 24. Công bố danh sách ứng viên

Việc công bố danh sách ứng cử viên KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 25. Cách thức bầu KSV

Các thức bầu KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 28. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV

BKS được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các yêu cầu riêng cho vị trí Giám đốc theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ ban hành đối với tiêu chuẩn của cán bộ quản lý.

2. Bổ nhiệm Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm Giám đốc theo quy định liên quan về công tác nhân sự của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

HDQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên HDQT tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

- a. Giám đốc có thể được HDQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Theo đề nghị từ chức của Giám đốc;
 - Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
- b. Giám đốc có thể bị HDQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về công tác cán bộ liên quan.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Công ty có quyền trả lương, thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc do HDQT quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 31. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HDQT, BKS và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HDQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế này.

Điều 32. Trao đổi thông tin

Việc trao đổi thông tin HDQT, BKS, Giám đốc và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. HDQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HDQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HDQT.

2. HDQT thông tin đến BKS, Giám đốc về các cuộc họp quan trọng của HDQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến

KSV và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.

3. Các nghị quyết, quyết định, biên bản họp, thông báo kết quả họp của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.

4. Giám đốc báo cáo HĐQT và đồng thời gửi đến BKS các thông tin: tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của ĐHCĐ và HĐQT, kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao (bao gồm công việc được HĐQT ủy quyền) trong các cuộc họp thường kỳ hoặc cuộc họp khác hoặc khi có phát sinh công việc hoặc khi xảy ra, nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn. Giám đốc cung cấp thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành cho các Thành viên HĐQT khi có yêu cầu. Yêu cầu được làm bằng văn bản hoặc thông báo bằng thư điện tử, ghi rõ nội dung cần báo cáo, thời hạn hoàn thành hợp lý. Báo cáo của Giám đốc bằng hình thức văn bản hoặc phương tiện thông tin nhanh nhất đến HĐQT để đáp ứng mục tiêu xử lý công việc.

5. Giám đốc đảm bảo việc lưu chuyển thông tin theo quy định đến tất cả các Thành viên HĐQT và các bên liên quan kịp thời, đầy đủ.

Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

1. Quan hệ phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc và BKS:

a. HĐQT, Giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

b. HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo những Người quản lý liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HĐQT, Giám đốc biết trước khi thực hiện.

e. BKS phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phân vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, Giám đốc, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quan hệ công tác giữa HĐQT với bộ máy điều hành của Công ty.

a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc hoặc Người quản lý khác để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp

với quy định và thực tế hoạt động của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản với thể thức và trình tự theo quy định.

b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.

c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

d. Những cuộc họp nội bộ do Giám đốc chủ trì có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT tham dự.

e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Công ty hoặc có liên quan đến Công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.

f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.

g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.

h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.

i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất kỹ thuật của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Thư ký HĐQT là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các phòng chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.

j. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.

k. Thư ký HĐQT và Phòng chức năng của Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.

l. Căn cứ vào phân công công việc trong HĐQT, Thư ký HĐQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.

m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của Giám đốc có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.

n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 34. Đánh giá hoạt động hàng năm

1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a. HĐQT đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b. BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c. HĐQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và của cá nhân được đánh giá.

3. Trình tự đánh giá hoạt động

Trình tự đánh giá hoạt động Thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc và Người điều hành Công ty khác được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 35. Khen thưởng, kỷ luật

HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 34 của Quy chế này và các quy định hiện hành.

CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 36. Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 09 chương 36 điều và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng...năm..., HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHCĐ theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Trong bảng so sánh này:

- Các phần chữ in đậm: nội dung được sửa đổi so với Quy chế QTNB hiện hành
- Các phần chữ gạch chân: nội dung được bổ sung so với Quy chế QTNB hiện hành
- Các phần chữ có dấu gạch: nội dung được xóa bỏ so với Quy chế QTNB hiện hành

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
1.	<p>Căn cứ pháp lý: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày</p>	<p>Căn cứ pháp lý: Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đất, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm... Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lấp đất, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lấp đất, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm các nội dung sau:</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với các văn bản pháp luật đã được thay đổi.</p>
2.	<p>Chương I. Quy định chung Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng 1. Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đất, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là Quy chế) được xây dựng dựa theo các quy</p>	<p>Chương I. Quy định chung Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng 1. Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần Dịch vụ Lấp đất, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là “Quy</p>	<p>Viết ngắn gọn lại nội dung Khoản 2, 3, 4; bỏ nội dung Khoản 1, 3, 5 của Điều này để phù</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
3.	<p>định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.</p> <p>2. Quy chế này quy định chi tiết thủ tục, trình tự và biểu mẫu thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác Quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập mối liên hệ trong hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.</p> <p>3. Quy chế này áp dụng trong phạm vi toàn Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.</p> <p>4. Quy chế này áp dụng đối với Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.</p> <p>5. Các văn đề không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của Công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo thiết lập hệ thống các quy định nội bộ khác để quản trị an toàn, hiệu quả Công ty và phù hợp quy định hiện hành.</p> <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được áp dụng trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>- “Công ty” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.</p>	<p>chế”) được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc luật định về quản trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông và Công ty.</p> <p>2. Quy chế này quy định các nội dung về công tác quản trị, điều hành Công ty, áp dụng trong phạm vi Công ty, đối với cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý, Người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.</p>	<p>hợp với Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (TT116)</p>
	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>- “Công ty” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt,</p>		<p>Bổ một số nội dung vì đã quy định chi tiết hơn trong Quy chế</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>- “Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD)” là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và sẽ không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo điều lệ Công ty và thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty.</p> <p>- “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp có phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.</p> <p>- “Hội đồng quản trị (HĐQT)” là cơ quan quản lý Công ty gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCD, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCD, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông.</p> <p>- “Ban Kiểm soát (BKS)” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCD.</p> <p>— “KSV” là Kiểm soát viên.</p> <p>- “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- “VSD” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.</p> <p>Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	<p>Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biên PTSC.</p> <p>- “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.</p> <p>- “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>- “BKS” là Ban kiểm soát Công ty.</p> <p>- “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- “VSD” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung theo Quy chế mẫu TT116</p>
4.	<p>CHƯƠNG II. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ĐHĐCD là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
5.	<p>Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên</p> <p>1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một (01) lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Theo quyết định của HĐQT, Công ty có thể gia hạn thời gian tổ chức quy định tại khoản 2 điều này nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc gia hạn này chỉ có hiệu lực khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.</p> <p>Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường</p> <p>Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường có thể được triệu tập trong các trường hợp theo quy định tại Điều 14.3, Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 5. Trình tự tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường được tổ chức phải tuân thủ trình tự như sau:</p> <p>1. Lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.</p> <p>b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT</p>	<p>quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty.</p> <p>2. ĐHĐCĐ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ.</p> <p>2. Lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.</p> <p>b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc</p>	<p>Gộp nội dung Điều 3, 4, 5 trong Quy chế cũ thành Điều 4 trong Quy chế mới.</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung theo Quy chế mẫu TT116.</p> <p>Sửa đổi một số nội dung về mốc thời gian để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty.</p>

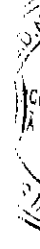
TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc họp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.</p> <p>c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay; địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ đông từ trước đến nay từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay; địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ đông từ trước đến nay từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay.</p> <p>d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép các tài liệu có liên quan của Cổ đông từ trước đến nay; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông theo các hình thức sau:</p> <p>a. Thông qua các Công ty Chứng khoán (Thành viên lưu ký) nơi Cổ đông mở tài khoản và gửi chứng khoán đối với Cổ đông đã lưu ký chứng khoán theo quy định.</p> <p>b. Trực tiếp gửi thư đến địa chỉ Cổ đông đã đăng ký đối với Cổ đông chưa lưu ký ngoài các Cổ đông quy định tại khoản a Khoản này.</p> <p>c. Đăng thông tin trên phương tiện công bố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết cổ phiếu của Công ty; - Trang thông tin điện tử (website) của Công ty; - Tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Công ty đăng ký trụ sở chính ít nhất là 02 (hai) số báo phát hành liên tiếp. <p>d. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của</p>	<p>hợp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.</p> <p>c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay; địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay; địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ đông từ trước đến nay từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông từ trước đến nay.</p> <p>d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>4. Thông báo họp ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch.</p> <p>b. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định tại điểm a, b khoản này.</p> <p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ (Biểu mẫu 01) phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên và địa chỉ Công ty; - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; - Thời gian và địa điểm họp; - Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; - Ngày đăng ký cuối cùng; - Chương trình nghị sự; - Mẫu Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết như Biểu mẫu 02; - Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp; - Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản; - Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp; - Địa điểm đăng ký dự họp; - Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông. <p>4. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp Theo Khoản 2 Điều 138 của Luật doanh nghiệp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như Biểu mẫu 03.</p> <p>5. Đăng ký và tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ</p>	<p>tại điểm a khoản này.</p> <p>c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến <u>tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)</u> kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên và địa chỉ Công ty; - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; - Thời gian và địa điểm họp; - Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; - Ngày đăng ký cuối cùng; - Chương trình nghị sự; - Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp; - Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản; - Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp; - Địa điểm đăng ký dự họp; - Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông. <p>5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:</p> <p>a. <u>Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, thông báo mời họp.... theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>b. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại</p>	

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Nội dung hiện hành	TT
<p>Đưa thảo Quy chế QTNB mới</p> <p>khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như Biểu mẫu 01.</p> <p>6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHQĐ:</p> <p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHQĐ</p> <p>Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:</p> <p>a. Trường hợp Cổ đông, người được ủy quyền của Cổ đông tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHQĐ phải xuất trình văn bản văn ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>b. Trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đến và Công ty nhận được trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.</p> <p>8. Điều kiện tiến hành họp ĐHQĐ</p> <p>Cuộc họp ĐHQĐ được tiến hành theo các điều kiện quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:</p> <p>a. Trường hợp Cổ đông, người được ủy quyền của Cổ đông tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHQĐ thực hiện theo mẫu quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế này.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHQĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>b. Trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đến và Công ty nhận được trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.</p> <p>6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy chế cuộc họp;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>7. Biểu quyết:</p> <p>a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ được quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông.</p> <p>b. ĐHQĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hành như <u>Biểu mẫu 04</u>.</p> <p>8. Kiểm phiếu</p> <p>a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách những người chịu trách nhiệm thực hiện kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.</p> <p>b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.</p> <p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp. Biên bản kiểm phiếu như <u>Biểu mẫu 05</u>.</p> <p>10. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ như <u>Biểu mẫu 06</u>.</p> <p>b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>10. Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết:</p> <p>a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thê lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông.</p> <p>b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, bầu nhân sự HDQT, BKS, người dự họp thực hiện theo trình tự được điều hành bởi chủ tọa, Ban kiểm phiếu.</p> <p>11. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu và/hoặc những người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.</p> <p>b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của Chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.</p> <p>12. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua</p> <p><u>Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo các điều kiện được quy định tại 21 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>	<p>Lý do sửa đổi/bổ sung</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>e. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>11. Nghị quyết ĐHĐCĐ Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp như Biểu mẫu 07.</p> <p>12. Công bố thông tin kết quả cuộc họp ĐHĐCĐ Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng niêm yết.</p> <p>Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.</p>	<p>Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Nội dung kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.</p> <p>14. <u>Cách thức phân đối nghị quyết của ĐHĐCĐ Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</u></p> <p>15. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký</p>	



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>e. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p>f. <u>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p>13. <u>Nghị quyết ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp.</u></p> <p>14. <u>Công bố thông tin kết quả cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</u></p> <p><u>Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.</u></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
6.	<p>Điều 6. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>c. Nội dung và hình thức của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3, Điều 22, Điều lệ Công ty như-Biểu-mẫu-08.</p> <p>2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã-trả-lời phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến đã-trả-lời gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận đã-được Công ty công bố. b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong 	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua ngợi quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ như Khoản 2 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>c. Nội dung của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong 	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, cũng như làm rõ thêm một số nội dung.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>d. Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.</p> <p>3. Kiểm phiếu biểu quyết:</p> <p>a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>b. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung và hình thức phù hợp như Biểu mẫu-09.</p> <p>c. Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>4. Công bố kết quả kiểm phiếu:</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm hoàn thành việc kiểm phiếu trả lời cuối cùng. Cách thức công bố kết quả cuộc họp trực tiếp như trường hợp Công bố kết quả cuộc họp trực tiếp.</p> <p>5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận do Công ty công bố.</p> <p>b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>d. Công ty chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.</p> <p>3. Kiểm phiếu biểu quyết:</p> <p>a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>b. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>4. Công bố kết quả kiểm phiếu:</p> <p>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>Thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Cách thức công bố áp dụng như trường hợp công bố kết quả cuộc họp trực tiếp theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bổ nội dung này vì đã được đề cập đến tại Khoản 14 Điều 4 Quy chế mới</p>
7.	<p>Điều 7. Cách thức phân đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cổ đông-biên-quyết-thay-đổi-nghị-quyết-về-việc-tổ-chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông-quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản như Điều mẫu 10 phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông-quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Khoản 6, Điều 6, Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>		
8.	<p>Chương III. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát</p>	<p>Chương III. Hội đồng quản trị Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p><u>HDQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 27 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>3. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT</p> <p>Thành viên HĐQT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p><u>Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT</u></p> <p>Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	
9.	<p><u>Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, KSV</u></p> <p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.</p>	<p>Bổ sung nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116 và sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
10.	<p><u>Điều 9. Đề cử ứng viên để bầu</u></p> <p>1. Ứng viên do Cổ đông đề cử</p> <p>a. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời</p>	<p><u>Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, giới thiệu</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10%</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>điểm lập danh sách Cổ đông thực hiện quyền, có quyền tự mình hoặc góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau đến mức đủ để cử ứng viên bầu làm Thành viên HĐQT, KSV. Số lượng đề cử được giới thiệu tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu đủ điều kiện giới thiệu được quy định tại Khoản 2, Điều 25, Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Bảo lưu quyền đề cử</p> <p>— Căn cứ trên số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, KSV đương nhiệm và vị trí khuyết cần bầu bổ sung, quyền đề cử ứng viên được phân bổ theo nguyên tắc ưu tiên cho Cổ đông, nhóm Cổ đông có đủ điều kiện nhưng chưa giới thiệu ứng viên tương ứng đương nhiệm hoặc đã giới thiệu nhưng chưa thực hiện hết quyền của mình.</p> <p>— Đối với Cổ đông đủ điều kiện đề cử đã giới thiệu đủ số ứng viên và đã trúng cử đang đương nhiệm, quyền đề cử chỉ được thực hiện như Cổ đông quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Hồ sơ đề cử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề cử ứng viên của Cổ đông gửi đến Công ty như Biểu mẫu 11; - Lý lịch (CV) ứng viên như Biểu mẫu 12; - Giấy tờ nhân thân chứng thực hợp lệ của ứng viên, của Cổ đông giới thiệu theo quy định. <p>d. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo và thời gian theo các quy định hiện hành.</p> <p>2. Ứng viên do HĐQT, BKS đề cử</p> <p>Trường hợp ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT, BKS đương nhiệm tổ chức đề cử</p>	<p>tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề cử, giới thiệu ứng viên bầu làm Thành viên HĐQT. Số lượng đề cử được giới thiệu tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu đủ điều kiện giới thiệu được quy định tại Khoản 2, Điều 25, Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Hồ sơ ứng viên đề cử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề cử ứng viên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty như Biểu mẫu 02; - Lý lịch (CV) ứng viên như Biểu mẫu 03; - Giấy tờ pháp lý chứng thực hợp lệ của ứng viên, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu theo quy định. <p>c. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo và thời gian theo các quy định hiện hành.</p> <p>2. Ứng viên do HĐQT đề cử, giới thiệu</p> <p>Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm tổ chức đề cử, giới thiệu thêm ứng viên như quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, theo trình tự như sau:</p> <p>a. Các Thành viên HĐQT có quyền giới thiệu nhân sự để chọn làm ứng viên thành viên HĐQT. Trên cơ sở danh sách nhân sự được giới thiệu đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT tổ chức bỏ phiếu để lựa chọn nhân sự được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng ứng viên giới thiệu cho đợt bầu cử.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
11.	<p>thêm ứng viên theo trình tự như sau:</p> <p>a. Căn cứ danh sách nhân sự đã được quy hoạch đang có hiệu lực, HĐQT, BKS thực hiện lựa chọn nhân sự đủ điều kiện và phù hợp với nhiệm vụ vị trí Thành viên HĐQT, KSV dự kiến được phân công theo hình thức bỏ phiếu. Kết quả bỏ phiếu được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân sự được lựa chọn đạt được số phiếu cao nhất xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ nhân sự có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số nhân sự cần chọn làm ứng viên để giới thiệu cho đợt bầu cử. - Trường hợp có từ 02 nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS là phiếu quyết định. <p>b. Trên cơ sở kết quả lựa chọn nhân sự nêu trên, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS ban hành Nghị quyết phê chuẩn danh sách nêu tại Điểm a, Khoản này sau khi hoàn tất các thủ tục xin ý kiến của các bên liên quan theo quy định (nếu có). Trường hợp có nhân sự bị loại bỏ khỏi danh sách bởi lý do được cho là phù hợp theo yêu cầu của bên liên quan và pháp luật, HĐQT, BKS không thực hiện việc lựa chọn nhân sự thay thế làm ứng viên để bị loại. Quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các Cổ đông khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định tại Khoản b, Điều 13, Quy chế này; chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty.</p>	<p>Trường hợp có từ hai (02) nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>b. Căn cứ vào kết quả lựa chọn nhân sự tại điểm a Khoản này, HĐQT ban hành nghị quyết phê chuẩn danh sách ứng viên được giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT.</p> <p>3. Ứng viên do cổ đông khác đề cử, giới thiệu</p> <p><u>Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các cổ đông khác theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định, đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty</p>	Viết ngắn gọn lại
	Điều 10. Công bố danh sách ứng viên	Điều 10. Công bố danh sách ứng viên	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
12.	<p>Điều 11. Cách thức bầu cử</p> <p>1. Việc bầu thành viên HĐQT, KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc nhiều ứng viên. Một số hoặc phân bổ đồng đều cho tất cả ứng viên.</p> <p>2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phiếu của Cổ đông bầu cử và kiểm phiếu. Phiếu bầu có thể được chia sẵn theo danh sách để Cổ đông đánh dấu hoặc cách thức khác phù hợp. Phiếu bầu như Biểu mẫu 13.</p> <p>Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;</p>	<p>Điều 11. Cách thức bầu cử</p> <p>1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT được bầu và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng viên hoặc phân bổ đồng đều các ứng viên.</p> <p>2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Công ty.</p> <p>Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;</p> <p>b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;</p>	<p>Sửa đổi lại một số nội dung để phù hợp với thực tế</p>
	<p>Nội dung hiện hành</p> <p>1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử nhưng không muộn hơn thời điểm khai mạc cuộc họp bầu hoặc thời điểm bắt đầu thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để bầu Thành viên HĐQT, KSV.</p> <p>2. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT, KSV được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ chuyên môn;</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ các chức vụ quản lý;</p> <p>e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>Dự thảo Quy chế QTNB mới</p> <p>1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử.</p> <p>2. Thông tin liên quan đến ứng viên Thành viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Lý do sửa đổi/bổ sung</p> <p>vì trong Điều lệ Công ty đã quy định rõ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
13.	<p>b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;</p> <p>c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Công ty công bố trước đợt bầu cử;</p> <p>d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.</p> <p>3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4. Cách thức xác định kết quả bầu:</p> <p>a. Căn cứ vào số lượng thành viên cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả như bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng cử viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.</p>	<p>c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Công ty công bố trước đợt bầu cử;</p> <p>d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.</p> <p>3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4. Cách thức xác định kết quả bầu:</p> <p>a. Căn cứ vào số lượng thành viên cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả như bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng cử viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.</p>	<p>Viết lại cho ngắn gọn, vì Điều lệ Công ty đã quy định rõ.</p>
	<p>Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS</p> <p>1. Thành viên HĐQT, KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm Thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị tước pháp cảm không được làm Thành viên.</p>	<p>Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT khi bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty như Điều mẫu 14.</p> <p>c. Bị rớt loan tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT, BKS trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận và HĐQT, BKS quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>e. Bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định khác tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều này, HĐQT, BKS phải báo cáo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu tại Khoản 1 Điều này cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>	
14.	<p>Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS</p> <p>Kết quả và các quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS phải công bố thông tin đến Cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</p>	<p>Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</p>	Bổ sung thêm nội dung.
15.	<p>Điều 13. Bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hết nhiệm kỳ;</p> <p>b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>a. Lựa chọn ứng viên để bầu:</p> <p>- HĐQT, BKS lựa chọn trong số các Thành viên để bầu</p>	<p>Điều 14. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT</p> <p>Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hết nhiệm kỳ;</p> <p>b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định hiện hành.</p> <p>c. Có đơn từ chức.</p>	Bổ nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát, bổ sung thêm nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Chủ tịch HĐQT, Trường-BKS theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định về công tác cán bộ liên quan đối với từng chức danh. b. Tổ chức phiên bầu cử: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp toàn bộ HĐQT, BKS cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 150 và Khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp thì HĐQT, BKS mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT và Trường BKS trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. - Trường hợp khuyết Chủ tịch HĐQT, Trường BKS thì Thành viên HĐQT, BKS là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi Cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập Cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên theo quy định tại mục này, các Thành viên phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. - Mỗi Thành viên có một phiếu bầu. Thành viên được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình. - Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất. - Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên bỏ phiếu bầu cho Người trúng 	<p>2. Trình tự thực hiện việc bầu Chủ tịch HĐQT:</p> <p>c. Lựa chọn ứng viên để bầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử. - Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định hiện hành về công tác nhân sự liên quan đối với từng chức danh. d. Tổ chức phiên họp bầu cử: <ul style="list-style-type: none"> - <u>Triều tập và điều hành phiên họp bầu cử: Người được chọn làm Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử được xác định theo nguyên tắc sau: Trường hợp toàn bộ HĐQT cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 154 Luật Doanh nghiệp thì HĐQT mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. Trường hợp còn lại, Thành viên HĐQT là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên HĐQT, theo quy định tại mục này, các Thành viên HĐQT phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.</u> - Mỗi Thành viên HĐQT có một phiếu bầu. 	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch nhiệm kỳ mới. - Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này. 	<p>Thành viên <u>HDQT</u> được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất. - Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên <u>HDQT</u> bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền. - Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch <u>HDQT</u> nhiệm kỳ mới. Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này. <p>3. Trường hợp Chủ tịch <u>HDQT</u> có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>HDQT</u> phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các trường hợp khác <u>HDQT</u> phải thực hiện bầu Chủ tịch <u>HDQT</u> thay thế trong thời gian bảy (07) ngày kể từ thời điểm có đủ căn cứ cho rằng Chủ tịch <u>HDQT</u> đương nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>	
16.		<p><u>Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HDQT</u></p> <p><u>Thành viên HDQT</u> được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung này theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>
17.	<p>CHƯƠNG V. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 21. Cuộc họp thường kỳ</p>	<p>Điều 16. Cuộc họp của HDQT</p> <p>Trình tự và thủ tục tổ chức cuộc họp <u>HDQT</u> thực</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể,</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>1. HĐQT tổ chức cuộc họp thường kỳ mỗi quý một (01) lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập. Thời gian và địa điểm do Chủ tịch HĐQT ấn định, tuy nhiên không được muộn hơn ngày 25 của tháng đầu tiên mỗi quý. Cuộc họp thường kỳ không được tổ chức theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p> <p>a. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh Công ty tính đến thời điểm tổ chức cuộc họp và kế hoạch quý tiếp theo của Giám đốc;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý trước liền kề (dự thảo);</p> <p>c. Báo cáo kết quả, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; các kết luận của cơ quan có thẩm quyền do Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lập;</p> <p>d. Báo cáo giám sát việc thực hiện các Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định do Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lập;</p> <p>e. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Trình tự tổ chức cuộc họp thường kỳ</p> <p>a. Chuẩn bị nội dung cuộc họp</p> <p>— Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>— Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, các Thành viên HĐQT, Giám đốc căn cứ tình hình thực tế của Công ty đề nghị bổ sung nội dung cuộc họp như Biểu mẫu 15. Đề nghị bổ sung nội dung phải gửi đến HĐQT trong thời gian ba (03) ngày trước thời điểm cuộc họp diễn ra. Trưởng họp nội dung đề xuất đưa vào cuộc họp để quyết nghị; người đề xuất nội dung phải gửi kèm theo văn bản đề xuất dự thảo nội dung quyết nghị và các thông tin, tài liệu</p>	<p>hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty</p>	<p>chi tiết tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>liên quan (nếu có):</p> <p>b. Thông báo mời họp:</p> <p>— Thông báo mời họp phải được gửi đến cho các Thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến như Biểu mẫu 16.</p> <p>— Thông báo mời họp phải kèm chương trình nghị sự, thông tin liên quan đến nội dung thảo luận, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp thường kỳ.</p> <p>— Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi đầy đủ, đúng hạn và đồng thời đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>e. Điều kiện tiến hành cuộc họp:</p> <p>— Cuộc họp thường kỳ chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự.</p> <p>— Theo chấp thuận của chủ tọa cuộc họp, hoặc thông tin đã được thể hiện trong thông báo mời họp, Thành viên có thể được coi là tham dự cuộc họp khi tham dự bằng hình thức trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Cuộc họp này chỉ được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 30, Điều lệ Công ty.</p> <p>— Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>d. Thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:</p> <p>— Thành viên HĐQT có quyền thảo luận, nêu quan điểm của mình về các nội dung trong chương trình nghị sự theo thông báo mời họp và phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu, biểu quyết của mình.</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>— Các Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT.</p> <p>— Để đảm bảo thông tin làm căn cứ biểu quyết, theo đề xuất của Thành viên HĐQT hoặc lý do khác xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể mời các bên liên quan không phải Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và trình bày các ý kiến khi được yêu cầu. Chi phí mời tham dự cuộc họp quy định tại khoản này được chi trả theo quy định.</p> <p>— HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT. Mỗi Thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền họp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau.</p> <p>— Các Thành viên và Người đại diện tự chịu trách nhiệm xác định và công bố sự liên quan lợi ích của mình đối với các vấn đề tham gia biểu quyết đề từ bỏ hay tiếp tục thực hiện biểu quyết. Kết quả biểu quyết không bị giới hạn hiệu lực vì sự liên quan lợi ích phát hiện sau khi Nghị quyết ban hành. Các hậu quả phát sinh (nếu có) do việc không từ chối quyền biểu quyết quy định tại mục này đối với Công ty, bên thứ ba do Thành viên liên quan chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định.</p> <p>— Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giao tay ngay tại cuộc họp HĐQT.</p> <p>e. Biên bản cuộc họp:</p> <p>— Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
18.	<p>HDQT Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HDQT như Biểu mẫu 17. Biên bản cuộc họp HDQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên HDQT hoặc đại diện ủy quyền tham dự cuộc họp.</p> <p>— Chủ tịch HDQT có trách nhiệm chỉ đạo chuyển biên bản họp cho các thành viên ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản và các tài liệu liên quan của cuộc họp được lưu chuyển đến các Thành viên HDQT, BKS, Giám đốc và lưu trữ theo quy định.</p> <p>f. Nghị quyết cuộc họp:</p> <p>— Tùy vào yêu cầu của thực tế triển khai các Quyết nghị của HDQT, Chủ tịch HDQT hoặc Người được ủy quyền sẽ thay mặt HDQT ban hành các Quyết nghị dưới hình thức văn bản (nghị quyết, quyết định) đảm bảo thể thức theo quy định. Nghị quyết của HDQT được ban hành phải phản ánh chính xác và đầy đủ theo nội dung Biên bản cuộc họp được thông qua.</p> <p>- Các Quyết nghị sau khi đã được ban hành phải được công bố, lưu chuyển đến các bên liên quan và lưu trữ theo quy định cũng như đảm bảo tính thực thi đầy đủ, kịp thời.</p> <p>Điều 22. Cuộc họp khác của HDQT</p> <p>1. Ngoài cuộc họp thường kỳ quy định tại Điều 21 Quy chế này, Chủ tịch HDQT tổ chức các cuộc họp khác của HDQT bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và phải tổ chức họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản như Biểu mẫu 18:</p> <p>a. Giám đốc;</p> <p>b. Ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) Thành viên HDQT;</p>		Bổ nội dung này theo Quy chế QTNB mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
19.	<p>d. BKS;</p> <p>e. Kiểm toán viên độc lập thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Yêu cầu tổ chức cuộc họp quy định tại Khoản 1, Điều này phải gửi đến HĐQT ít nhất 10 ngày trước ngày đề nghị triệu tập họp trừ trường hợp khẩn cấp và được Chủ tịch HĐQT chấp nhận.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT tổ chức cuộc họp theo trình tự và thủ tục như đối với cuộc họp quy định tại Điều 21 Quy chế này trong vòng bảy (07) ngày.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chối tổ chức cuộc họp được yêu cầu bởi các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều này với các lý do được cho là không phù hợp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. Trình tự và các điều kiện tổ chức cuộc họp áp dụng theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.</p> <p>Điều 23. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Phiếu lấy ý kiến như Điều mẫu 19.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải kèm theo Dự thảo nghị quyết và tài liệu liên quan và được chuyển đến từng Thành viên trước bảy (07) ngày trước khi thực hiện biểu quyết, trừ trường hợp cần thiết theo vì lợi ích của Công ty mà Chủ tịch HĐQT xét thấy phù hợp.</p> <p>3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Chủ tịch tổ chức các phiên thảo luận có sự tham gia của các bên liên quan để làm rõ thông tin trước khi biểu quyết. Yêu cầu phải được gửi đến Chủ tịch trước thời điểm thực hiện biểu quyết một (01) ngày. Việc tham</p>	<p>Điều 17. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể, chi tiết tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Nội dung hiện hành</p> <p>đự phiến thảo luận không bắt buộc đối với mọi Thành viên, các ý kiến tại phiên thảo luận không có hiệu lực thay thế phiếu biểu quyết đã được phát hành.</p> <p>4. Các Thành viên thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu lấy ý kiến theo quy định.</p> <p>5. Xứ lý Phiếu biểu quyết:</p> <p>a. Một nội dung lấy ý kiến được xem là thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết đồng ý.</p> <p>b. Đối với nội dung không đủ số phiếu biểu quyết đồng ý thông qua, Chủ tịch HĐQT có thể xem xét tổ chức cuộc họp khác theo trình tự quy chế này để xử lý theo quy định.</p> <p>c. Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm nhận và kiểm phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết. Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến như Điều mẫu 20.</p> <p>d. Nghị quyết thông qua theo hình thức quy định tại Điều này có hiệu lực và như các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp khác của HĐQT.</p> <p>e. Biên bản kiểm Phiếu, Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được công bố, lưu chuyên, lưu trữ theo quy định.</p>	<p>Điều 18. Các tiêu ban trực thuộc HĐQT</p> <p>Việc thành lập và hoạt động của các Tiêu ban trực thuộc HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều 31 Điều lệ Công ty</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể, chi tiết tại Điều 31 Điều lệ Công ty.</p>
20.	<p>CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 24. HĐQT có thể thành lập các tiêu ban gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiêu ban chính sách phát triển, 2. Tiêu ban nhân sự, 3. Tiêu ban lương thưởng; 4. Các tiêu ban khác theo Nghị quyết của ĐHQĐ. <p>Điều 25. Cơ cấu, cơ chế hoạt động và trình tự thành lập các Tiêu ban</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên 		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
21.	<p>ngoài theo quyết định của HĐQT . Các nhân sự tham gia tiểu ban phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban được thành lập.</p> <p>2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là Thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:</p> <p>a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban</p> <p>b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Việc thực thi quyết định của HĐQT , hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT , hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</p> <p>3. Quyết định thành lập tiểu ban của HĐQT dựa trên đề xuất của Chủ tịch HĐQT sau khi được đa số các Thành viên HĐQT thông qua.</p> <p>4. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban trên.</p>	<p>Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về tiêu chuẩn, các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty để phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>tài chính của công ty. Điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn, quyền lợi và nghĩa vụ của Người phụ trách Công ty được quy định cụ thể tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 20. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm</p> <p>Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các đối tượng quy định tại Chương này được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.</p>	<p>ty</p> <p>HDQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. <u>Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. <u>Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</u></p> <p><u>HDQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về lao động.</u></p> <p>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.</p> <p>5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty như quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p> <p>CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của KSV</p> <p>1. Vai trò của BKS</p> <p>BKS là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty, gồm các KSV được bầu bởi ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của BKS</p> <p>BKS có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 39 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của KSV</p> <p>KSV có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong</p>	<p>Doanh nghiệp 2020</p>
22.			<p>Bổ sung thêm Chương này theo Quy chế QTNB mẫu TT116, nội dung chủ yếu được tách ra từ Chương IV của Quy chế cũ và sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p><u>Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng KSV</u> Số lượng KSV là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><u>Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV</u> KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p><u>Điều 23. Đề cử, ứng cử KSV</u> Việc đề cử, ứng cử KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p><u>Điều 24. Công bố danh sách ứng viên</u> Việc công bố danh sách ứng cử viên KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 10 Quy chế này.</p> <p><u>Điều 25. Cách thức bầu KSV</u> Các thức bầu KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 11 Quy chế này.</p> <p><u>Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</u> KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.</p> <p><u>Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</u> Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</p> <p>Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
23.	<p>CHƯƠNG IV: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</p> <p>Điều 15. Tiêu chuẩn lựa chọn bổ nhiệm Giám đốc và Người quản lý Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 2. Trình độ học vấn, Chuyên môn phù hợp vị trí đảm nhiệm; 3. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín; 4. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách; 5. Có năng lực quản trị; 6. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí theo quy định về công tác cán bộ liên quan. <p>Điều 16. Bổ nhiệm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ nhiệm Giám đốc: <ul style="list-style-type: none"> a. HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. b. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám đốc bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> — Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai; — Bản kê khai tài sản, thu nhập; — Chương trình hành động; — Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác; — Các bản sao văn bản, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng 	<p>CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</p> <p>Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các yêu cầu riêng cho vị trí Giám đốc theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ ban hành đổi với tiêu chuẩn của cán bộ quản lý. 2. Bổ nhiệm Giám đốc HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm Giám đốc theo quy định liên quan về công tác nhân sự của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên HĐQT tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. 	<p>Sửa lại nội dung chương này chỉ đề cập đến Giám đốc, không bao gồm Người quản lý khác; bổ sung thêm các nội dung theo Quy chế QTNB mấu TT116 và đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>(sao y bản chính);</p> <p>— Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);</p> <p>— Các giấy tờ liên quan khác theo quy định của Công ty mẹ, pháp luật hiện hành.</p> <p>Trình tự thực hiện các thủ tục bổ nhiệm theo quy định liên quan về công tác cán bộ của pháp luật, Công ty mẹ và Điều lệ Công ty hiện hành.</p> <p>2. Bổ nhiệm Người quản lý khác: các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và thủ tục bổ nhiệm thực hiện tương tự tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>Điều 17. Ký hợp đồng lao động với Người quản lý</p> <p>1. Khi có quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động với Giám đốc được ký kết bởi Chủ tịch HĐQT sau khi được HĐQT thông qua.</p> <p>2. Giám đốc ký hợp đồng lao động với Người quản lý khác thuộc thẩm quyền của mình theo các quy định hiện hành.</p> <p>3. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định liên quan.</p> <p>Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</p> <p>1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:</p> <p>HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.</p> <p>a. Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự 	<p>Dự thảo Quy chế QTNB mới</p> <p>a. Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty; - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác; - Theo đề nghị từ chức của Giám đốc; - Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>b. Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; - Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động; - Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc</u> <u>Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.</u></p> <p>5. <u>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc Công ty có quyền trả lương, thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc do HĐQT quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên</u></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác; - Theo đề nghị từ chức của Giám đốc; - Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>b. Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; - Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động; - Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ quản lý khác do HĐQT quyết định theo đề xuất của Giám đốc.</p> <p>3. Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về công tác cán bộ liên quan.</p>	<p>CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 31. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc</p> <p>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế này.</p> <p>Điều 32. Trao đổi thông tin</p> <p>Việc trao đổi thông tin HĐQT, BKS, Giám đốc và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm nhưng không</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, các vấn đề liên quan giữa HĐQT, BKS và Giám đốc. Bổ sung thêm các nội dung về việc Trao đổi thông tin theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>
24.	<p>CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 26. Trao đổi thông tin</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. HĐQT thông tin đến Trưởng BKS về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến Trưởng BKS và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.</p> <p>4. Theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có</p>	<p>CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 26. Trao đổi thông tin</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. HĐQT thông tin đến Trưởng BKS về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến Trưởng BKS và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.</p> <p>4. Theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hiên-quan, Giám đốc báo cáo HĐQT và gửi đến BKS các thông tin: tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của cấp trên với Hội đồng quản trị trong các cuộc họp thường kỳ, cuộc họp khác cũng như cung cấp thông tin đầy đủ cho các Thành viên HĐQT khi có yêu cầu.</p> <p>5. Giám đốc chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin từ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các đơn vị thành viên, trực thuộc và các bên liên quan, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Báo cáo phải nêu rõ quan điểm, đề xuất phương án xử lý cụ thể từng vấn đề để HĐQT quyết định.</p> <p>6. Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập cách thức lưu chuyển thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT và các bên liên quan và đảm bảo rằng trong mọi trường hợp các thông tin theo quy định được chuyển đến đúng địa chỉ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho quá trình quản lý, giám sát và điều hành hoạt động HĐQT đối với Công ty.</p>	<p>giới hạn các nội dung sau:</p> <p>1. HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. HĐQT thông tin đến BKS, Giám đốc về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến KSV và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định, biên bản họp, thông báo kết quả họp của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.</p> <p>4. Giám đốc báo cáo HĐQT và đồng thời gửi đến BKS các thông tin: tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ và HĐQT, kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao (bao gồm công việc được HĐQT ủy quyền) trong các cuộc họp thường kỳ hoặc cuộc họp khác hoặc khi có phát sinh công việc hoặc khi xảy ra, nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn. Giám đốc cung cấp thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành cho các Thành viên HĐQT khi có yêu cầu. Yêu cầu được làm bằng văn bản hoặc thông báo bằng thư điện tử, ghi rõ nội dung cần báo cáo, thời hạn hoàn thành hợp lý. Báo cáo của Giám đốc bằng hình thức văn bản hoặc phương tiện thông tin nhanh nhất đến HĐQT để đáp ứng mục tiêu xử lý công việc.</p> <p>5. Giám đốc đảm bảo việc lưu chuyển thông tin theo quy định đến tất cả các Thành viên HĐQT và các bên liên quan kịp thời, đầy đủ.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
25.	<p>Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HĐQT, các KSV và Giám đốc</p> <p>1. Quan hệ phối hợp giữa HĐQT và BKS:</p> <p>a. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>b. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khác phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HĐQT biết trước khi thực hiện.</p> <p>e. Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.</p> <p>f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quan hệ công tác giữa HĐQT với bộ máy điều hành của Công ty.</p>	<p>Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Giám đốc</p> <p>1. Quan hệ phối hợp giữa HĐQT, <u>Giám đốc</u> và BKS:</p> <p>a. HĐQT, <u>Giám đốc</u> tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>b. HĐQT, <u>Giám đốc</u> có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo những Người quản lý liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khác phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HĐQT, <u>Giám đốc</u> biết trước khi thực hiện.</p> <p>e. <u>BKS</u> phối hợp với HĐQT, <u>Giám đốc</u> trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm để phù hợp với Điều lệ Công ty</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc hoặc Người quản lý khác để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản với thể thức và trình tự theo quy định.</p> <p>b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm trái ngược với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.</p> <p>c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành của Giám đốc Công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p> <p>d. Những cuộc họp nội bộ của Công ty có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT tham dự.</p> <p>e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét</p>	<p>f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, Giám đốc, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quan hệ công tác giữa HĐQT với bộ máy điều hành của Công ty.</p> <p>a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc hoặc Người quản lý khác để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản với thể thức và trình tự theo quy định.</p> <p>b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm trái ngược với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.</p> <p>c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>duyet các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Công ty hoặc có liên quan đến Công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.</p> <p>f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.</p> <p>g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc hoặc Người đại diện của Công ty tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.</p> <p>h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban điều hành/Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.</p> <p>i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất kỹ thuật của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Thư ký HĐQT là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các phòng chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.</p> <p>j. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT</p>	<p>Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p> <p>d. Những cuộc họp nội bộ do Giám đốc chủ trì có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT tham dự.</p> <p>e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Công ty hoặc có liên quan đến Công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.</p> <p>f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.</p> <p>g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.</p> <p>h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.</p> <p>i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.</p> <p>k. Thư ký HĐQT và Văn phòng Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.</p> <p>l. Căn cứ vào phân công việc trong HĐQT, Thư ký HĐQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.</p> <p>m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của Giám đốc có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.</p> <p>n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>vật chất kỹ thuật của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Thư ký HĐQT là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các phòng chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.</p> <p>j. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.</p> <p>k. Thư ký HĐQT và Phòng chức năng của Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.</p> <p>l. Căn cứ vào phân công công việc trong HĐQT, Thư ký HĐQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.</p> <p>m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của Giám đốc có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC. Điều 28. Đánh giá hoạt động hàng năm 1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau: a. Tự nhận xét, đánh giá; b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; c. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan. 2. Tiêu chí đánh giá hoạt động: a. HĐQT đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. b. BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. c. HĐQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp dựa theo cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của cá nhân được đánh giá. 3. Trình tự đánh giá hoạt động a. Hàng năm, cán bộ tự xây dựng Kế hoạch công việc cá nhân theo chức trách, nhiệm vụ được giao như Biểu mẫu 21. b. Cán bộ tự đánh giá và tự nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ như Biểu mẫu 22.</p>	<p>n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 34. Đánh giá hoạt động hàng năm 1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau: a. Tự nhận xét, đánh giá; b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; c. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan. 2. Tiêu chí đánh giá hoạt động: a. HĐQT đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. b. BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. c. HĐQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và của cá nhân được đánh giá. 3. Trình tự đánh giá hoạt động Trình tự đánh giá hoạt động Thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc và Người điều hành Công ty khác</p>	<p>Bổ nội dung này vì đã có trong các quy định nội bộ.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>e. Cán bộ cấp trên theo tiêu chí tại Điểm b, Khoản 1, Điều này cho ý kiến và quyết định cuối cùng về kết quả đánh giá;</p> <p>4. Các mức phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <p>a. Hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc nhiệm vụ;</p> <p>b. Hoàn thành nhiệm vụ;</p> <p>c. Không hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>Được thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	
27.	<p>Điều 29. Khen thưởng</p> <p>1. Thành viên khen thưởng:</p> <p>a. HĐQT và BKS quyết định khen thưởng cho các thành viên của mình trong phạm vi thù lao được DHDGD phê chuẩn và các hình thức khen thưởng khác theo quy định pháp luật;</p> <p>b. Giám đốc và Người điều hành khác: Giám đốc trình HĐQT quyết định mức khen thưởng.</p> <p>2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và hoặc Tiểu ban.</p> <p>3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác.</p> <p>Điều 30. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cân trọng, miễn cảm và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra;</p> <p>2. Thành viên HĐQT, BKS, người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà</p>	<p>Điều 35. Khen thưởng, kỷ luật</p> <p>HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 35 của Quy chế này và các quy định hiện hành.</p>	<p>Viết lại cho ngắn gọn nội dung này.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
28.	<p>bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC THI HÀNH</p> <p>Điều 31. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.</p>	<p>CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH</p> <p>Điều 36. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 09 chương 36 điều và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng...năm..., HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.</p> <p><u>Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116 và đề phù hợp với thực tế.</p>



Số: /TTr-LĐBD-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư 116”).

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị Công ty và phù hợp với các quy chế của các cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động chứng khoán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

1. Phê duyệt ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC như Dự thảo đính kèm.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được phép sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

----o0o----

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Định nghĩa, thuật ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.....	1
CHƯƠNG II.....	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.....	2
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.....	2
Điều 6. Nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT.....	3
Điều 7. Chủ tịch HĐQT.....	3
Điều 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	3
CHƯƠNG III.....	3
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.....	3
Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch ..	4
Điều 11. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường.....	4
Điều 12. Các Tiểu ban, bộ phận giúp việc HĐQT.....	4
CHƯƠNG IV.....	5
CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 13. Cuộc họp HĐQT.....	5
Điều 14. Biên bản họp và nghị quyết cuộc họp HĐQT.....	7
Điều 15. Thông qua nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
CHƯƠNG V.....	9
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	9
Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI.....	10
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 19. Nguyên tắc phối hợp trong công tác.....	10
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT.....	10
Điều 21. Mối quan hệ của HĐQT với Ban Điều hành.....	10
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	10
Điều 23. Mối quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên.....	11
CHƯƠNG VII.....	11
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	11
Điều 24. Điều khoản thi hành.....	11

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG
TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (HĐQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT, đối với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên có liên quan của Công ty.

Điều 2. Định nghĩa, thuật ngữ

1. **Công ty:** Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
2. **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
3. **Ban Điều hành:** bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. **Bộ phận chức năng:** bao gồm các phòng chức năng, Xưởng CKBD,...
5. **Tổng công ty:** Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ).
6. Các định nghĩa, viết tắt khác không nêu trong Quy định này thì áp dụng theo các Quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và Sổ tay Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng hiện hành của Công ty, quy định nội bộ khác.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý và sự phát triển của Công ty.
2. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, HĐQT có thể ủy quyền, phân cấp cho Giám đốc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích của Công ty.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo các quy định trong Quy chế này và sự phân công của HĐQT.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT cùng với các thành viên HĐQT khác quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động của Tổng công ty theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật có liên quan.
4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT về các vấn đề được phân công.
5. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
6. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
7. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
8. Đề xuất ý kiến, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công việc được phân công và đề xuất giải quyết những công việc khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, Người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các bộ phận chức năng trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 6. Nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của thành viên theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT với đa số phiếu bằng thẻ thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Chỉ đạo, điều phối công việc của HĐQT trên cơ sở kế hoạch, phân công các thành viên HĐQT và các công việc khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
 - b. Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
 - c. Theo dõi, đôn đốc các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ được phân công; chủ trì đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Tiểu ban, Hội đồng, bộ phận giúp việc của HĐQT.

Điều 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT thực hiện theo trình tự, cách thức quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và pháp luật.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - b. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản nội bộ về tổ chức, quản trị, điều hành, quản lý và kiểm soát rủi ro...nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được quản lý, kiểm soát đầy đủ, an toàn và đạt hiệu quả cao.

- b. HĐQT thành lập các Tiểu ban, Hội đồng và/hoặc bộ phận trực thuộc HĐQT để tư vấn, tham mưu, giúp HĐQT thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty.
- c. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT.
- d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật, Điều lệ Công ty quy định hoặc được ĐHĐCĐ giao, ủy quyền.
- e. Các thành viên độc lập HĐQT thống nhất cách thức tổ chức, phân công, phối hợp các hoạt động theo quy định đối với nhiệm vụ thành viên độc lập HĐQT và thông báo cho HĐQT, các bên liên quan về cách thức nêu trên.
- f. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT theo quy định.
3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác theo quy định tại Điều 27, Điều 43 của Điều lệ Công ty và các giao dịch khác do ĐHĐCĐ giao, ủy quyền.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 11. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 12. Các Tiểu ban, bộ phận giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT

không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty: HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy định hiện hành của pháp luật.
4. Thư ký HĐQT:
 - a. HĐQT sẽ chỉ định một hoặc một số người đảm nhận vai trò Thư ký HĐQT với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT và do Giám đốc ký Hợp đồng lao động.
 - b. Thư ký HĐQT thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của HĐQT và được hưởng quyền lợi theo quy định của hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các quyết định của HĐQT và pháp luật.
 - c. Thư ký HĐQT có trách nhiệm bảo mật thông tin theo Quy định hiện hành của pháp luật, Công ty
5. Ngoài bộ máy giúp việc tại Khoản 1, 3, 4 của Điều này nêu trên, HĐQT sử dụng các Phòng chức năng, bộ phận khác thuộc Công ty để thực hiện tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT: HĐQT phải tổ chức cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 14 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 1 lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập.
3. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - a. Tình hình hoạt động, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch của quý tiếp theo của Tổng công ty;
 - b. Tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch tài chính của những tháng tiếp theo;
 - c. Báo cáo kết quả, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; các kết luận của cơ quan có thẩm quyền;
 - d. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền.
4. Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này cho cuộc họp thường kỳ. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, các

- Thành viên HĐQT, Giám đốc căn cứ tình hình thực tế của Công ty đề nghị bổ sung nội dung cuộc họp. Đề nghị bổ sung nội dung phải gửi đến HĐQT trong thời gian hai (02) ngày trước thời điểm cuộc họp diễn ra. Trường hợp nội dung đề xuất đưa vào cuộc họp để quyết nghị, người đề xuất nội dung phải gửi kèm theo văn bản đề xuất và các thông tin, tài liệu liên quan (nếu có).
5. Ngoài cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch HĐQT tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 6. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của các đối tượng sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) cán bộ quản lý là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.Đề nghị của các đối tượng nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 7. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 8. Thông báo mời họp:
 - Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trường hợp khẩn, khi xét thấy cần thiết do yêu cầu của công việc, thông báo họp HĐQT có thể được gửi ngay cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp. Thông báo họp HĐQT phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 - Thư ký HĐQT Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi đầy đủ, đúng hạn và đồng thời đến các Thành viên HĐQT và các bên liên quan theo quy định.
 9. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp: Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
 11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
12. Thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và thông qua nghị quyết của HĐQT:
- Thành viên HĐQT có quyền thảo luận, nêu quan điểm của mình về các nội dung của Chương trình họp và phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu, biểu quyết của mình.
 - Các Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT.
 - Để đảm bảo thông tin làm căn cứ biểu quyết, theo đề xuất của Thành viên HĐQT hoặc lý do khác xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể mời các bên liên quan không phải Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và trình bày các ý kiến khi được yêu cầu. Chi phí mời tham dự cuộc họp quy định tại Khoản này được chi trả theo quy định.
 - HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT. Mỗi Thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền họp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau.
 - Các Thành viên và người được ủy quyền tham dự họp tự chịu trách nhiệm xác định và công bố sự liên quan lợi ích của Thành viên đối với các vấn đề tham gia biểu quyết để từ bỏ hay tiếp tục thực hiện biểu quyết. Kết quả biểu quyết không bị giới hạn hiệu lực vì sự liên quan lợi ích phát hiện sau khi nghị quyết ban hành. Các hậu quả phát sinh (nếu có) do việc không từ chối quyền biểu quyết quy định tại Mục này đối với Công ty, bên thứ ba do Thành viên liên quan chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định.
 - Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT.
13. Ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT:
Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên chấp thuận.

Điều 14. Biên bản họp và nghị quyết cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản cuộc họp:
 - a. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký HĐQT ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT theo quy định hiện hành, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu cần thiết);

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản 1 ở trên thì biên bản này có hiệu lực.
- b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 - c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 - d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo chuyển biên bản họp cho các Thành viên HĐQT ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.
 - e. Biên bản và các tài liệu liên quan của cuộc họp được lưu chuyển đến các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và lưu trữ theo quy định.
3. Nghị quyết cuộc họp:
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc Người được ủy quyền sẽ thay mặt HĐQT ban hành các quyết nghị dưới hình thức văn bản (nghị quyết, quyết định) đảm bảo thể thức theo quy định. Nghị quyết của HĐQT được ban hành phải phản ánh chính xác và đầy đủ các nội dung được quyết nghị tại cuộc họp và ghi nhận tại Biên bản cuộc họp. Các nội dung đã được quyết nghị trong cuộc họp có thể được ban hành chung trong một nghị quyết hoặc tách riêng thành những nghị quyết khác nhau.
 - b. Các quyết nghị sau khi đã được ban hành phải được công bố, lưu chuyển đến các bên liên quan và lưu trữ theo quy định cũng như đảm bảo tính thực thi đầy đủ, kịp thời.

Điều 15. Thông qua nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Việc tổ chức lấy ý kiến, xem xét phê duyệt đối với tờ trình của Giám đốc trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, trừ trường hợp gia hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu liên quan và được chuyển đến từng Thành viên HĐQT. Các Thành viên HĐQT trả lời Phiếu lấy ý kiến trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến (không tính các ngày nghỉ lễ). Thời hạn biểu quyết có thể được gia hạn theo đề nghị của Thành viên HĐQT và được Chủ tịch HĐQT đồng ý.
3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban Giám đốc, Bộ phận và cá nhân liên quan cung cấp thông tin, giải trình, làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung lấy ý kiến. Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết, có thể tổ chức phiên thảo luận, cuộc họp có sự tham gia của các bên liên quan để làm rõ thông tin trước khi biểu quyết. Các ý kiến tại phiên thảo luận không có hiệu lực thay thế Phiếu biểu quyết đã được phát hành.
4. Các Thành viên HĐQT thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu lấy ý kiến theo quy định.
5. Tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và ban hành Nghị quyết:
 - a. Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm nhận và kiểm Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết.

- b. Kết quả tổng hợp Phiếu lấy ý kiến trình Chủ tịch HĐQT trong vòng ba (03) ngày kể từ thời điểm hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến và gửi đến các Thành viên HĐQT.
- c. Một nội dung lấy ý kiến được xem là thông qua khi có đa số (trên 50%) Phiếu biểu quyết đồng ý.
- d. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như quy định tại Điều này có hiệu lực như các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp khác của HĐQT. Nghị quyết được ban hành không muộn hơn hai (02) ngày trên cơ sở biên bản tổng hợp Phiếu lấy ý kiến.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

- 1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 3. Báo cáo quy định tại Điều này và Báo cáo tài chính kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định hiện hành.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- 1. Thành viên HĐQT phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HDQT, thành viên HDQT phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau đây:

1. Luôn trung thành, phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, cẩn trọng, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích của Công ty và cổ đông;
2. Tuân thủ nghiêm túc các Quy định hiện hành có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HDQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HDQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HDQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HDQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan lĩnh vực do thành viên HDQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HDQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HDQT có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HDQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HDQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HDQT thì các thành viên HDQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, thông tin, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập văn bản và báo cáo Chủ tịch về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ của HDQT với Ban Điều hành

Hoạt động phối hợp giữa HDQT với Ban Điều hành được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và những nội dung sau:

1. HDQT bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Trong phạm vi thẩm quyền, HDQT có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc hoặc Người quản lý, điều hành khác của Công ty hoặc nhân viên cấp dưới để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty. Nội dung phân cấp, ủy quyền chi tiết được quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Các nghị quyết, quyết định của HDQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HDQT và Giám đốc về một vấn đề, quyết nghị của HDQT được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.
4. Ban Điều hành chịu trách nhiệm thực hiện các công việc, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của thành viên HDQT để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

Hoạt động phối hợp giữa HDQT với Ban Kiểm soát (Ban KS) được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và những nội dung sau:

1. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của Ban KS, đồng thời tạo điều kiện để Ban KS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
2. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban KS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Chủ tịch HĐQT đảm bảo rằng thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban KS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban KS có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng...năm.....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-LĐBD-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư 116”).

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành đồng thời tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

1. Phê duyệt ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC như Dự thảo đính kèm.
2. Ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty được phép sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc;
- Lưu : VT, Ban Kiểm soát.

Trương Trọng Huy

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	3
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên	4
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.....	4
Điều 8. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	4
Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	5
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	5
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	7
Điều 14. Các quyền khác của Ban Kiểm soát.....	9
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 15. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát	10
CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 16. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên	10
Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11
Điều 19. Mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước	11
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 20. Điều khoản thi hành	11

**DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát đối với mọi hoạt động thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được giải thích như sau:

Luật Doanh nghiệp : Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

- Đại hội đồng cổ đông** : Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Điều lệ công ty** : Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Điều hành** : Bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
- Cổ đông lớn** : Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của công ty.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ công ty và các quy định tại Quy chế này.
2. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Kiểm soát viên có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát; tham mưu cho Trưởng Ban

Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty và quy chế này quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát.

2. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ chung của Ban Kiểm soát.
4. Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.
6. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
7. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến Báo cáo của Ban Kiểm soát.
8. Đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.
10. Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
11. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông.
12. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
11. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
12. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
13. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
14. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
15. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật liên quan và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai, thực hiện.
16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật, việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
21. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
23. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
25. Lập và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và báo cáo các nội dung khác theo các quy định của pháp luật.
26. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Các quyền khác của Ban Kiểm soát

1. Được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
2. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên Tổng công ty trong giờ làm việc.
3. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.
4. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, được quyền yêu cầu các đơn vị/bộ phận của công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và có trách nhiệm bảo mật các số liệu tài liệu, thông tin được cung cấp.
5. Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
6. Yêu cầu Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.
8. Tham dự các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết của công ty.
9. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban Kiểm soát.
10. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập với chi phí hợp lý theo ngân sách hoạt động hàng năm đã được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan.

13. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham gia cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một thành viên khác (là đối tượng tham gia biểu quyết theo quy định tại điều này) thực hiện biểu quyết.

b) Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được hai phần 3 (2/3) số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng ban Kiểm soát vắng mặt).

c) Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

2. Các báo cáo, thông báo mời họp, văn bản khác mà Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát
3. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.

Điều 19. Mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 6 chương, 20 điều, do Trưởng Ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát ban hành theo chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.../2021. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm thực hiện.
2. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày .../.../2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

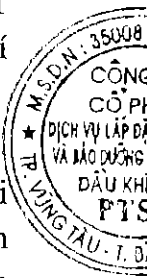
- | | | |
|----|----------------------|-------------------|
| 1. | Doanh thu | : 1.454,67 tỷ VNĐ |
| 2. | Lợi nhuận trước thuế | : 33,38 tỷ VNĐ |
| 3. | Lợi nhuận sau thuế | : 26,70 tỷ VNĐ |
| 4. | Tỷ lệ chia cổ tức | : 11%/vốn điều lệ |

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021 theo đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Tỷ đồng	101,55



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
2	Lợi nhuận được phân phối ^(*)	Tỷ đồng	110,37
3	Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	60,00
4	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	21,37
5	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	1,00
6	LN còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	28,00

() Lợi nhuận được phân phối (110,37 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2020 101,55 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối các năm trước đây 8,82 tỷ đồng.*

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời điểm phù hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để phân bổ lợi nhuận năm 2020 theo phương án đã được phê duyệt.

2. Chi tiết Kế hoạch tài chính năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,68%
5	KH phân phối lợi nhuận năm 2021	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	54,71
+	Chia cổ tức 11% Vốn điều lệ	Tỷ đồng	44,00
+	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	10,40
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,30

() Lợi nhuận được phân phối năm 2021 (54,71 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2021: 26,71 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020: 28 tỷ đồng.*

Điều 5: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 6: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2021:

- Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng

- Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021: Chi phí công vụ (gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1	Ông/Bà	Thành viên
2	Ông/Bà	Thành viên
3	Ông/Bà	Thành viên

Điều 9: Thông qua dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ như tài liệu kèm theo. Giao Hội đồng quản trị hoàn thiện để ban hành Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ theo các quy định hiện hành.

Điều 10: Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như nội dung Tờ trình số/TTr-LĐBD-HĐQT ngày .../.../2021.

Điều 11: Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như nội dung Tờ trình số/TTr-LĐBD-BKS ngày .../.../2021.

Điều 12: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Ban Giám đốc;
- Trưởng các phòng chức năng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong

Tài liệu kèm theo:



- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị;
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành;
- Phụ lục 3: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Ban Kiểm soát;
- Phụ lục 4: Dự thảo Điều lệ Công ty;
- Phụ lục 5: Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Phụ lục 6: Tờ trình số .../TTr-LĐBD-HĐQT ngày .../.../2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Phụ lục 7: Tờ trình số .../TTr-LĐBD-BKS ngày .../.../2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.